

Số: 380 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Điện lực (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Chính phủ trình Quốc hội dự án Luật Điện lực (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Sau khi Luật Điện lực năm 2004 có hiệu lực, nhiều chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam (trong đó có lĩnh vực điện lực) được ban hành, cụ thể:

- Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 55-NQ/TW) đã đưa ra quan điểm chỉ đạo “nhanh chóng xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hóa hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; áp dụng giá thị trường đối với mọi loại hình năng lượng” (khoản 1 Phần II Nghị quyết số 55-NQ/TW) nhằm thực hiện mục tiêu tổng quát “Xây dựng thị trường năng lượng cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” (điểm a khoản 2 Phần II Nghị quyết số 55-NQ/TW). Theo đó, Nghị quyết số 55-NQ/TW giao nhiệm vụ phải đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa, cụ thể: “cần phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên thông giữa các phân ngành điện, than, dầu khí và năng lượng tái tạo, kết nối với thị trường khu vực và thế giới” và “sửa đổi, hoàn thiện các luật chuyên ngành về dầu khí, điện lực, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các luật khác liên quan đến ngành năng lượng để làm cơ sở thực hiện hiệu quả hơn cơ chế thị trường” (khoản 6 Phần III Nghị quyết số 55-NQ/TW).

Nghị quyết số 55-NQ/TW cũng đề ra xây dựng các cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo nhằm thay thế tối đa các nguồn năng lượng hoá thạch; ưu tiên sử dụng năng lượng gió và mặt trời cho phát điện; khuyến khích đầu tư xây dựng các nhà máy điện sử dụng rác thải đô thị, sinh khối và chất thải rắn đi đôi với công tác bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế tuần hoàn; xây dựng chính sách hỗ trợ và cơ chế đột phá cho phát

triển điện gió ngoài khơi gắn với triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam; khuyến khích phát triển điện mặt trời áp mái sau khi các quy định khuyến khích về cơ chế giá FIT hết hiệu lực và có cơ chế cho phép phát triển các nhà máy điện sản xuất tại chỗ, tự cung cấp trong các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất nhằm khuyến khích các hộ gia đình, doanh nghiệp lắp đặt điện mặt trời mái nhà tự dùng, thúc đẩy huy động nguồn lực xã hội, góp phần giảm bớt áp lực huy động tài chính cho Nhà nước. Đối với nguồn điện chạy nền, Nghị quyết số 55-NQ/TW đưa ra quan điểm ưu tiên phát triển điện khí, trong đó phát triển triển nhiệt điện khí theo hướng ưu tiên sử dụng nguồn khí trong nước, chú trọng phát triển nhanh nhiệt điện khí sử dụng LNG, đưa điện khí dần trở thành nguồn cung cấp điện năng quan trọng, hỗ trợ cho điều tiết hệ thống; xây dựng nhà máy trên cơ sở giá bán điện xác định thông qua đấu thầu. Vì vậy, cần bổ sung các chính sách, các nội dung quy định trường hợp giá điện được xác định qua đấu thầu cũng như quy định chính sách về cơ chế phát triển các dự án điện trong nước, ưu tiên phát triển nhiệt điện khí, phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia từng thời kỳ và phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh, bao gồm các cơ chế về giá điện và sản lượng điện, cơ chế bao tiêu sản lượng điện để bảo đảm an ninh cung cấp điện, an ninh năng lượng quốc gia theo từng thời điểm cụ thể.

Đối với mục tiêu không thực hiện bù chéo: Nghị quyết số 55-NQ/TW đưa ra định hướng “không thực hiện bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng, giữa các vùng miền”. Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định chính sách về việc giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng không tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh (là khách hàng chưa đủ điều kiện tham gia hoặc không lựa chọn tham gia mua bán điện trên thị trường bán lẻ điện cạnh tranh), giữa các vùng miền phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện, áp dụng cơ chế giá điện phù hợp đối với các nhóm khách hàng sử dụng điện có mức tiêu thụ năng lượng cao.

Nghị quyết số 55-NQ/TW đưa ra định hướng “Nghiên cứu, thực hiện luật hóa việc điều hành giá điện”. Vì vậy, cần sửa đổi nội dung về thẩm quyền quy định cơ chế điều chỉnh giá (bán lẻ điện), theo đó Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh giá thay vì Thủ tướng Chính phủ như hiện hành để đảm bảo nguyên tắc chung là Chính phủ đóng vai trò ban hành thể chế pháp luật, cơ chế chính sách về điều chỉnh giá điện, phù hợp với thực tiễn điều chỉnh giá điện thời gian qua, phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ. Để thực hiện mục tiêu tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về việc đảm bảo giá năng lượng minh bạch do thị trường quyết định và thực hiện nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH15 ngày 13/12/2023 về việc “điều chỉnh kịp thời giá bán lẻ điện theo biến động thực tế của thông số đầu vào như giá nguyên nhiên liệu, tỷ giá, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, đồng thời bù đắp được chi phí và lợi nhuận hợp lý để bảo toàn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là thúc đẩy cạnh tranh trong khâu nguồn điện; rút ngắn thời gian giữa các lần điều chỉnh giá điện”, cần thiết phản ánh các nội dung nêu trên tại Luật.

Thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số

140/NQ-CP Chương trình hành động của Chính phủ, trong đó, tại điểm a khoản 2 Phần II có giao Bộ Công Thương: “Nghiên cứu, đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các quy định trong Luật Điện lực và các văn bản có liên quan về giá điện, điều tiết điện lực, chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện, chương trình điều chỉnh phụ tải điện và thị trường điện phù hợp với lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh”.

- Tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 đã đưa ra “Thu hút đầu tư nước ngoài trong phát triển xanh, chuyển dịch năng lượng”. Ngoài ra, định hướng phát triển năng lượng tái tạo trong giai đoạn tới còn được thể hiện qua các Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác về chuyển đổi năng lượng công bằng – JETP và cam kết của Việt Nam tại các kỳ Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc, trong đó có các cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

- Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó định hướng một số chủ trương lớn, trong đó có “Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới” và chủ trương: “Thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác. Phát triển ngành chế tạo thiết bị phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, tiến tới làm chủ một số công nghệ, thiết kế, chế tạo và sản xuất thiết bị; ưu tiên đầu tư phát triển năng lượng tái tạo trên các đảo phục vụ sản xuất, sinh hoạt, bảo đảm quốc phòng, an ninh. ...”.

- Triển khai Nghị quyết số 16/2021/QH15 ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Đối với nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết đã nêu “Đẩy mạnh rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo, chưa đầy đủ hoặc vướng mắc, nhất là về quy hoạch, đầu tư, kinh doanh, đất đai, tài chính, ngân sách, tài sản công, thuế... theo hướng vướng mắc ở cấp, ngành nào thì cấp, ngành đó chủ động, tích cực sửa đổi, hoàn thiện; nghiên cứu khẩn trương sửa đổi, thay thế các cơ chế, chính sách không còn phù hợp với thực tiễn để tháo gỡ điểm nghẽn và giải quyết những vấn đề tồn đọng gây thất thoát, lãng phí, bảo đảm tổng thể, toàn diện và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật”.

- Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về giám sát chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021 đã đặt ra nhiệm vụ, giải pháp về việc cần có cơ chế giá điện phù hợp trong việc xuất, nhập khẩu điện đối với các nước trong khu vực. Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định về việc có quy định về cơ chế giá điện trong việc mua bán điện với nước ngoài vào

dự thảo Luật Điện lực sửa đổi.

Do đó, cần thiết phải thể chế hóa đầy đủ các nội dung của Nghị quyết số 55-NQ/TW, các chủ trương, chính sách của Đảng tại Luật Điện lực, tổ chức triển khai và thực hiện các nhiệm vụ của Quốc hội và Chính phủ về rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật, tạo sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

a) Một số kết quả đạt được

- Luật Điện lực năm 2004 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự và Luật Giá năm 2023 (mới có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024) đã xây dựng được khuôn khổ pháp lý cho hoạt động điện lực và sử dụng điện, bảo vệ được lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực điện lực, đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao và góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Điện lực và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực được ban hành kịp thời, đảm bảo tiến độ đề ra, tạo lập được một hệ thống văn bản pháp luật về lĩnh vực điện lực đồng bộ, thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan; thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và chuẩn mực quốc tế; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động điện lực tại Việt Nam; thúc đẩy đầu tư trong ngành năng lượng nói chung và ngành điện nói riêng nhằm đáp ứng tình hình phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế. Qua đó, góp phần đưa Luật Điện lực và các Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực vào cuộc sống, đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả trong áp dụng pháp luật trên thực tế.

- Việc thực thi Luật Điện lực đã mang lại những tác động tích cực và có vai trò rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cụ thể:

+ Góp phần phát triển điện lực bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu mọi nguồn lực, công tác quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu điện năng phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia;

+ Xây dựng và phát triển thị trường điện lực cạnh tranh lành mạnh, nâng cao hiệu quả trong hoạt động điện lực; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện; thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động phát điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện và tư vấn chuyên ngành điện lực;

+ Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong hoạt động điện lực và sử dụng điện nhằm tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường sinh thái;

+ Đẩy mạnh việc khai thác và sử dụng các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để phát điện;

+ Rút ngắn thời gian thực hiện tiếp cận điện năng, giảm thành phần hồ sơ và ứng dụng công nghệ trong hoạt động điện lực đem lại hiệu quả cao trong đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nền kinh tế - xã hội và của nhân dân;

+ Đảm bảo hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực điện lực, thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về điện lực.

b) Tồn tại, hạn chế

Tuy nhiên, sau gần 20 năm triển khai thi hành và qua 04 lần sửa đổi, bổ sung một số điều, đến giai đoạn hiện nay cần thiết phải nghiên cứu phải để sửa đổi, bổ sung Luật Điện lực để kịp thời điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong thực tiễn hoạt động điện lực và sử dụng điện. Thực tiễn thi hành pháp luật về điện lực cho thấy còn tồn tại một số vấn đề mà các quy định tại Luật Điện lực hiện hành chưa đáp ứng được, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng mục tiêu triển khai các chính sách của Đảng đối với lĩnh vực năng lượng nói chung và điện lực nói riêng, đặc biệt là mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, tăng cường phân công, phân cấp, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về điện lực, đồng thời giải quyết một số vướng mắc trong quá trình thi hành Luật Điện lực hiện đang thiếu cơ sở pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cụ thể như sau:

- Về quy hoạch phát triển điện lực:

+ Cơ chế, chính sách đối với ngành điện còn thiếu đồng bộ

Thứ nhất, các văn bản pháp luật liên quan đến cung ứng điện còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, nhiều nội dung không rõ ràng, còn nhiều vướng mắc như:

(i) Về phân cấp quản lý nhà nước giữa trung ương và địa phương trong lĩnh vực điện lực (vướng mắc về thẩm quyền):

Trong quá trình thực hiện quy định về đầu tư, phải đến năm 2021 (khi Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 có hiệu lực đã xử lý vướng mắc liên quan các dự án nhóm A (về điện) có tổng mức đầu tư (từ 2.300 đến dưới 5000 tỷ đồng) sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước và các dự án xây dựng trên địa bàn nhiều tỉnh. Tuy nhiên, thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của nhiều dự án lưới điện với quy mô dự án nhỏ (nhóm B, C) đi qua 02 tỉnh trở lên thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, chưa đảm bảo phân cấp phân quyền theo chỉ đạo.

Chưa có quy định về việc phải thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án điện lực để đảm bảo lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án đảm bảo năng lực, kinh nghiệm, có phương án đầu tư kinh doanh hiệu quả, đóng góp cho phát triển ngành điện và đồng bộ với quy định của pháp luật về đất đai, đấu thầu.

Chưa đẩy mạnh phân cấp, phân quyền về phạm vi quản lý, điều chỉnh quy

hoạch để đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

(ii) Về vướng mắc liên quan đến các quy định pháp luật trong thực hiện đầu tư các dự án điện

Quá trình triển khai các dự án điện sử dụng vốn nhà nước còn nhiều bất cập, chưa có quy trình thực hiện rõ ràng vì liên quan đến nhiều Luật, nhiều ngành.

Khó khăn trong việc điều chỉnh quy hoạch để thực hiện đầu tư, xây dựng các dự án điện nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp điện. Việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia còn chậm, thiếu các tiêu chí rõ ràng, chưa có quy định để tạo cơ chế điều hành linh hoạt trong triển khai thực hiện quy hoạch để đảm bảo cung ứng điện.

Việc quản lý các thông số kỹ thuật chuyên ngành thủy điện là hết sức cần thiết để đảm bảo khả thi trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng dự án thủy điện. Tại Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch mới chỉ thể hiện nội dung thông tin về tên và quy mô công suất của dự án mà chưa thể hiện đầy đủ các thông số chuyên ngành thủy điện. Các thông số này có liên quan trực tiếp đến quy mô công suất của nhà máy thủy điện, quy mô sử dụng đất, mức độ tối ưu điều kiện vận hành cũng như ảnh hưởng của chúng đến việc đầu tư, xây dựng các bậc thang thủy điện trên cùng lưu vực sông, suối, đặc biệt là các dự án thủy điện liên kề phía thượng lưu và hạ lưu. Do đó, việc quản lý các thông số này cần được đưa vào nội dung thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư để có thể đánh giá một cách toàn diện dự án, đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện.

Thiếu các cơ chế đặc thù cho phát triển ngành điện đã gây rất nhiều khó khăn đối với công tác phát triển điện lực theo đúng quy hoạch đã đề ra. Việc xác định thế nào “các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh năng lượng” chưa được quy định cụ thể dẫn tới thiếu hành lang pháp lý để triển khai quy định này.

Chưa có quy định ưu tiên các dự án điện đầu tư dự án điện sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư để tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhà nước huy động được nguồn vốn có chi phí thấp.

(iii) Luật Điện lực chưa có quy định các mốc tiến độ của dự án nguồn điện, các cơ chế xử lý đặc thù đối với dự án nguồn điện chậm tiến độ. Sau khi dự án nguồn điện bị xử lý theo quy định của Luật Điện lực thì việc thực hiện xử lý tiếp theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đất đai. Tuy nhiên, trong thực tế, việc thực hiện thủ tục này chưa quyết liệt từ các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương và trung ương.

Thứ hai, về đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo:

Hiện nay còn rất nhiều thôn/bản, một số đảo, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo vẫn chưa được sử dụng điện hoặc có điện nhưng không bảo đảm an toàn, những khu vực này đều có suất đầu tư rất cao, nhưng không có hiệu quả về kinh tế - tài chính. Việc huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư cấp điện là một thách thức rất lớn, không khả thi. Như vậy, cần

thiết điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Điện lực năm 2004, quy định cụ thể việc sử dụng vốn đầu tư công cho đầu tư phát triển lưới điện vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

+ Trong thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia có một số vướng mắc trong triển khai thực hiện, ảnh hưởng đến an ninh cung cấp điện

Phạm vi quy hoạch điện ở cấp quốc gia, cấp tỉnh theo Luật Quy hoạch còn bất cập dẫn đến chưa đủ cơ sở triển khai sau khi quy hoạch được duyệt. Việc đồng bộ hóa các quy hoạch này khá khó khăn do thời điểm xây dựng các quy hoạch thường không trùng khớp nhau. Các số liệu phục vụ quy hoạch chưa hoàn toàn đầy đủ, thiếu đồng bộ dẫn tới các kết quả dự báo, tính toán chưa chính xác.

Công tác quản lý nhà nước đối với việc triển khai thực hiện quy hoạch còn chưa hiệu quả, thủ tục triển khai dự án phức tạp. Điều hành, quản lý việc thực hiện quy hoạch còn nhiều hạn chế, thiếu quyết liệt và chưa có giải pháp kịp thời thúc đẩy các dự án nguồn và lưới điện vào đúng tiến độ.

Thiếu tính tuân thủ và sự phối hợp, ủng hộ của địa phương đối với quy hoạch đã được phê duyệt, chậm bố trí nguồn lực (đất đai,...) để triển khai dự án.

Năng lực của các nhà đầu tư cũng như nhà thầu trong nước còn hạn chế cả về mặt tài chính và kỹ thuật. Các tổ chức tài chính quốc tế lại hạn chế hoặc không tiếp tục tài trợ cho các dự án nhiệt điện than.

- Về khuyến khích phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới

Trong thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, ngành ban hành nhiều chính sách, giải pháp cụ thể nhằm khuyến khích phát triển các loại hình điện năng lượng tái tạo (NLTT) như điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối, điện chất thải rắn, thủy điện nhỏ, trong đó có chính sách giá điện hỗ trợ (Feed in tariff, viết tắt là FIT). Hiện nay, việc tiếp tục duy trì các chính sách giá FIT như nêu trên không còn phù hợp. Việc khuyến khích nguồn điện NLTT nên được thực hiện thông qua khung giá phát điện, linh hoạt để phù hợp định hướng phát triển trong từng thời kỳ. Đối với nhu cầu điện sinh hoạt của hộ gia đình, có thể thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (thông qua hỗ trợ tiền trực tiếp cho hộ gia đình, hoặc thông qua hỗ trợ về kỹ thuật).

Đối với phát triển điện gió ngoài khơi: suất đầu tư là rất lớn, khoảng 2 - 3 tỷ USD/01 GW và thời gian thực hiện từ 6-8 năm kể từ lúc bắt đầu khảo sát và tùy theo quy mô công suất, khu vực triển khai dự án. Dự án điện gió ngoài khơi có vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia, đồng thời việc phát triển điện gió ngoài khơi sẽ góp phần giúp Việt Nam thực hiện cam kết trung hòa các-bon đến năm 2050. Tuy nhiên, việc phát triển điện gió ngoài khơi ngoài việc bảo đảm an ninh năng lượng nhưng phải gắn với bảo vệ vùng trời, vùng biển và bảo đảm an ninh quốc gia. Theo pháp luật hiện hành, chưa xác định cụ thể cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với điện gió ngoài khơi. Do đó, việc thể chế hoá Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị về cơ chế đột phá

cho phát triển điện gió ngoài khơi gắn với triển khai thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, thực tế thời gian qua cho thấy công nghệ điện mặt trời, điện gió có sự phát triển nhanh chóng và thiết bị công nghệ có tuổi thọ trong khoảng thời gian nhất định; trong khi nguồn lực đất đai, tài nguyên là hữu hạn và cần được sử dụng hiệu quả. Pháp luật về đầu tư có quy định ngừng hoạt động của dự án đầu tư (Điều 47) và pháp luật về xây dựng có quy định về dừng khai thác sử dụng công trình xây dựng (Điều 127). Tuy nhiên, pháp luật hiện hành không quy định trách nhiệm của chủ đầu tư phải thực hiện tháo dỡ công trình khi hết thời hạn hoạt động, hết thời hạn sử dụng theo quy định trên.

Ngoài ra, cần thể chế hóa khung quy định chính sách phát triển điện năng lượng mới (NLM) để tạo hành lang pháp lý cho loại hình này.

Vì vậy, Luật Điện lực cần được sửa đổi, bổ sung nội dung chính sách phát triển NLTT để thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng. Việc thể chế được thực hiện theo hướng Luật quy định các nguyên tắc chung của chính sách và giao Chính phủ quy định chi tiết để phù hợp với thực tiễn phát triển về công nghệ, sự thay đổi về giá thành cũng như đáp ứng mục tiêu phát triển, khuyến khích cùng thời kỳ của loại hình cụ thể trong lĩnh vực này.

- Về điều kiện hoạt động điện lực và cấp, sửa đổi, bổ sung, miễn trừ và thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực

+ Về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực:

Hoạt động điện lực là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Điện lực và Luật Đầu tư. Hiện nay, để tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động điện lực, các điều kiện cấp giấy phép thường xuyên phải được rà soát, đánh giá để thực hiện cắt giảm tối đa. Trong khi đó, một số nội dung về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực tại Điều 32 Luật Điện lực hiện hành không còn phù hợp với thực tiễn, không rõ khái niệm giữa cấp mới, cấp lại và gia hạn giấy phép hoạt động điện lực dẫn đến không đảm bảo sự linh hoạt trong việc đánh giá điều kiện hoạt động điện lực để kịp thời điều chỉnh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp cũng như nhiệm vụ quản lý nhà nước. Đồng thời, lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực cần xem xét cắt giảm để thực hiện theo pháp luật chung về xây dựng để đảm bảo tính đồng bộ.

+ Về hồ sơ cấp giấy phép hoạt động điện lực:

Hiện tại, Điều 33 Luật Điện lực hiện hành đang quy định bốn thành phần hồ sơ chung đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực. Trong thực tế thi hành công tác cấp giấy phép hoạt động điện lực, mỗi lĩnh vực hoạt động điện lực phải có các điều kiện riêng, tương ứng với các thành phần hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện cấp giấy phép theo quy định theo lĩnh vực đó. Vì vậy, việc quy định thành phần hồ sơ trong Luật Điện lực là không còn phù hợp với yêu cầu linh hoạt trong tinh giản điều kiện cấp giấy phép và cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho các đối tượng liên quan tham gia hoạt động điện lực.

+ Về miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực:

Để tạo điều kiện cho một số tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực mà không phải thực hiện thủ tục hành chính là đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, Điều 34 Luật Điện lực hiện hành đã quy định một số trường hợp được miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực. Tuy nhiên, một số trường hợp được miễn trừ hiện nay đã không còn phù hợp với điều kiện phát triển ngành điện hiện tại như quy mô kinh doanh điện tại nông thôn, miền núi, hải đảo; quy mô của các cơ sở phát điện để tự sử dụng...

+ Về thu hồi giấy phép hoạt động điện lực:

Quy định tại Luật Điện lực hiện hành chỉ cho phép thu hồi giấy phép hoạt động điện lực trong 04 trường hợp. Trong thực tế thi hành còn phát sinh các trường hợp cần thiết phải thu hồi giấy phép khác như đối tượng đề nghị giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực, sau đó bị phát hiện; đơn vị điện lực có nhu cầu ngừng hoạt động hoặc chuyển giao hoạt động điện lực đã được cấp phép cho tổ chức, cá nhân khác; không thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi vi phạm các quy định về giấy phép hoạt động điện lực và không thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn quy định.

Như vậy, có thể nhận thấy, theo sự thay đổi của thực tiễn thi hành, các quy định về điều kiện, hồ sơ, các trường hợp miễn trừ và thu hồi giấy phép hoạt động điện lực cần thiết được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tiễn thi hành trên nguyên tắc công khai, minh bạch về thủ tục hành chính, đơn giản hóa và tạo điều kiện cho tổ chức tiếp cận hoạt động điện lực nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc quản lý nhà nước, phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

- Về giá điện theo cơ chế thị trường và hoạt động mua bán điện đảm bảo định hướng phát triển thị trường điện

+ Về cơ chế giá điện và hoạt động mua bán điện đảm bảo định hướng phát triển thị trường điện lực

Trên cơ sở của Luật Điện lực, để tiếp tục triển khai cấp độ về thị trường bán lẻ điện cạnh tranh trong các năm sắp tới đáp ứng yêu cầu “Rà soát, điều chỉnh các quy định về kiểm soát và điều phối thị trường điện lực” và “Đẩy nhanh lộ trình thực hiện thị trường điện cạnh tranh” tại khoản 2 Phần III Nghị quyết số 55-NQ/TW, điều kiện tiên quyết là phải phân tách các khâu phân phối điện (mang tính độc quyền tự nhiên) với khâu kinh doanh bán lẻ điện (mang tính cạnh tranh). Trong khi đó, một số quy định tại Luật Điện lực hiện hành chưa đáp ứng việc triển khai cấp độ về thị trường bán lẻ điện cạnh tranh như thiếu quy định về hợp đồng kỳ hạn điện, mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện, chưa luật hóa quy định về hoạt động mua bán điện thông qua hợp đồng, thanh toán tiền điện, bảo lãnh thanh toán... để đảm bảo sự công khai, thống nhất, nhằm tăng cường sự đồng thuận trong xã hội, quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

(i) Về hợp đồng kỳ hạn điện trong thị trường điện:

Tại khoản 2 Điều 20 Luật Điện lực hiện hành mới chỉ quy định về hai hình thức mua bán điện trong thị trường điện lực: (i) Mua bán trên thị trường điện giao ngay; (ii) Mua bán thông qua hợp đồng có thời hạn, chưa quy định rõ hợp đồng có thời hạn bao gồm cả hợp đồng kỳ hạn điện - một dịch vụ tài chính phái sinh để các bên quản lý rủi ro khi tham gia thị trường điện.

(ii) Về mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện: Điều 47 Luật Điện lực hiện hành quy định về quyền mua điện trực tiếp từ đơn vị điện lực của khách hàng sử dụng điện lớn, nhưng chưa quy định rõ về hoạt động của cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện.

(iii) Một số nội dung về hợp đồng mua bán điện:

- Về hợp đồng mua bán điện (giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ, hợp đồng mua bán buôn điện):

Luật Điện lực hiện hành quy định việc kiểm tra của cơ quan nhà nước đối với hợp đồng phát điện, hợp đồng bán buôn điện: “Kiểm tra hợp đồng mua bán điện có thời hạn giữa đơn vị phát điện và đơn vị mua điện, hợp đồng mua bán buôn điện theo quy định của Chính phủ” (điểm m khoản 1 Điều 66 Luật Điện lực được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực). Tuy nhiên, trong trường hợp tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án nhà máy điện, hợp đồng mua bán điện sẽ được các bên thỏa thuận ký kết thông qua đấu thầu và khi đó việc quy định kiểm tra hợp đồng mua bán điện của Bộ Công Thương là chưa phù hợp.

Để đồng bộ trong việc kiểm tra hợp đồng nêu trên và để phản ánh đúng thực tế trong việc xây dựng, ban hành khung giá phát điện, khung giá bán buôn điện (việc tính toán bình quân khung giá phát điện theo đời sống kinh tế dự án, tính toán bình quân khung giá bán buôn điện theo thời gian sử dụng và tính toán bình quân trong chu kỳ tính khung giá), đồng thời phù hợp với giai đoạn phát triển thị trường điện cạnh tranh, cần thiết sửa đổi, bổ sung làm rõ việc ban hành khung giá phát điện trong thời gian vừa qua là khung giá phát điện bình quân của đơn vị phát điện và làm rõ trường hợp các bên ký kết hợp đồng mua bán điện thông qua đấu thầu.

Thực tiễn cho thấy việc Bộ Công Thương quy định về mẫu hợp đồng mua bán điện và kiểm tra hợp đồng mua bán điện sẽ gây khó khăn cho các bên trong việc đàm phán, thỏa thuận giữa 2 bên theo các quy định pháp luật khác như Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại. Vì vậy, để phù hợp với cơ chế thị trường cũng như nguyên tắc các bên tự thỏa thuận trong khung giá, cần sửa đổi, bổ sung quy định trong Luật Điện lực theo hướng chỉ quy định các nguyên tắc chính của hợp đồng mua bán điện để phù hợp với quy định thị trường điện và các bên ký kết hợp đồng mua bán điện, hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ theo nội dung các bên thỏa thuận, đảm bảo giá điện không vượt khung (đối với các loại giá điện có quy định về khung giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành như khung giá phát

điện bình quân, khung giá bán buôn điện bình quân) và giá dịch vụ phụ trợ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, đối với hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ không cần thiết quy định trách nhiệm kiểm tra của cơ quan nhà nước đối với “giá” hợp đồng này.

- Về Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt: Hiện nay loại hợp đồng này đang được quy định tại Luật Bảo vệ người tiêu dùng là một dạng hợp đồng giao dịch có điều kiện, bên bán phải đăng ký mẫu hợp đồng với cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trước khi được sử dụng để ký kết với khách hàng sử dụng điện. Do vậy, để tránh chông chéo, dự thảo Luật Điện lực (sửa đổi) cần thiết được sửa đổi theo hướng quy định những nội dung cơ bản của hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt.

+ Về chính sách giá điện

(i) Về việc tính đúng, tính đủ và lợi nhuận hợp lý của các đơn vị điện lực: cần thiết phải kế thừa những nguyên tắc đang được quy định tại Luật Điện lực và tiếp tục bổ sung chính sách phù hợp theo hướng giá điện đảm bảo phản ánh chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh điện hợp lý, hợp lệ của đơn vị điện lực và được thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực. Bên cạnh đó, bổ sung chính sách giá điện đảm bảo khuyến khích khách hàng sử dụng điện có hiệu quả và tiết kiệm.

Mặt khác, thực hiện Nghị quyết 937/NQ-UBTVQH15 ngày 13/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giám sát chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021, dự thảo Luật cần bổ sung nội dung liên quan đến thẩm quyền quyết định về cơ chế giá điện phù hợp để khuyến khích phát triển các dự án điện trong nước và mua bán điện nước ngoài để bảo đảm an ninh năng lượng và phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia từng thời kỳ theo từng thời điểm.

(ii) Về căn cứ lập và điều chỉnh giá điện:

Trong thời gian vừa qua, việc lập và điều chỉnh giá điện được căn cứ trên báo cáo tài chính, dữ liệu chi phí sản xuất kinh doanh điện đã được kiểm toán của các đơn vị điện lực. Mặt khác, thực hiện Nghị quyết 937/NQ-UBTVQH15 ngày 13/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội yêu cầu rút ngắn thời gian giữa các lần điều chỉnh giá điện, điều chỉnh kịp thời giá bán lẻ theo biến động thực tế của thông số đầu vào, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội, bù đắp được chi phí và lợi nhuận hợp lý để bảo toàn vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Để luật hóa yêu cầu về số liệu lập và điều chỉnh giá điện đối với các đơn vị điện lực, cần thiết bổ sung các nội dung này tại Luật.

(iii) Về thực hiện giá điện theo cơ chế thị trường và điều hành giá điện:

Thực tế thực hiện cho thấy, việc điều hành giá điện như hiện nay (Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quy định cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện, cụ thể đã phân cấp thẩm quyền điều chỉnh giá bán lẻ điện cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Bộ Công Thương và Thủ tướng Chính phủ tùy thuộc vào mức độ điều

chỉnh giá bán lẻ điện), đã tạo hành lang pháp lý cho việc tính toán và điều chỉnh giá điện theo cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước để đảm bảo kinh tế vĩ mô, đảm bảo tính minh bạch và linh hoạt trong quá trình triển khai thi hành.

Tuy nhiên, điện là loại hàng hóa thiết yếu nên việc điều chỉnh giá điện chịu nhiều sức ép của dư luận và có thể gây ảnh hưởng lớn tới tình hình kinh tế vĩ mô. Việc điều hành giá bán lẻ điện, quyết định điều chỉnh giá bán lẻ điện cần được xem xét và đánh giá một cách tổng thể trên tất cả các lĩnh vực. Việc điều hành giá bán lẻ điện thực tế các năm qua đều được họp thảo luận và quyết định thông qua các cuộc họp Thường trực Chính phủ. Khoản 3 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 quy định Chính phủ có thẩm quyền “quyết định chính sách cụ thể về tài chính, tiền tệ quốc gia, tiền lương, giá cả”. Vì vậy, để đảm bảo sự phù hợp với các quy định pháp luật khác, đảm bảo sự thống nhất trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ, cần thiết phải xem xét sửa đổi thẩm quyền trong việc ban hành cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện đã được quy định tại Luật Điện lực hiện hành theo hướng Chính phủ ban hành Nghị định về cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện, trong đó quy định cụ thể thẩm quyền điều chỉnh giá điện theo từng mức điều chỉnh giá.

(iv) Về vấn đề bù chéo: Luật Điện lực hiện hành quy định “Thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý đối với các nhóm khách hàng”. Vì vậy, cần thiết bổ sung quy định chính sách về việc giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng không tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, giữa các vùng miền phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện; áp dụng cơ chế giá điện phù hợp đối với các nhóm khách hàng sử dụng điện có mức tiêu thụ năng lượng cao.

(v) Về giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia:

Theo kết quả kiểm tra giá thành sản xuất, kinh doanh điện hàng năm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chi phí sản xuất kinh doanh điện tại khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia cao hơn nhiều lần so với tại những khu vực đã nối lưới điện quốc gia do phải sử dụng các nguồn phát điện tại chỗ như diesel, gió, mặt trời. Hiện nay, cơ chế hỗ trợ giá điện cho khu vực chưa nối lưới thông qua việc áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia; chênh lệch chi phí của đơn vị điện lực do áp dụng giá bán điện thống nhất toàn quốc thấp hơn giá thành sản xuất kinh doanh điện được tính vào giá điện chung toàn quốc đối với các khu vực do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, đối với khu vực không do Tập đoàn Điện lực Việt Nam bán điện, chênh lệch chi phí được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Việc áp dụng cơ chế hỗ trợ giá điện cho khu vực chưa nối lưới thông qua việc áp dụng giá bán điện khu vực nối lưới điện quốc gia cho khách hàng sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị, đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp.

Vì vậy, cần thiết sửa đổi quy định giá điện nông thôn, miền núi, biên giới,

hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia theo hướng Thủ tướng Chính phủ quy định phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh để đáp ứng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong đảm bảo an ninh quốc gia tại các khu vực biên giới, hải đảo và chính sách an sinh xã hội cho khu vực khó khăn, kinh tế thấp.

(vi) Về các nội dung khác:

- Phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trong trường hợp cần thiết để ổn định phát triển kinh tế - xã hội: Trong các năm 2020 và 2021, do tác động nặng nề của dịch COVID-19, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Công Thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Để các đơn vị có liên quan có cơ sở thực hiện đối với những trường hợp tương tự phát sinh sau này, cần bổ sung quy định chung về trường hợp Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trong trường hợp cần thiết để ổn định phát triển kinh tế - xã hội. Đề xuất này được căn cứ trên nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ là “Thống nhất quản lý nhà nước nền kinh tế quốc dân, thúc đẩy phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; ...” (quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ) và nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ là “Lãnh đạo công tác của Chính phủ; lãnh đạo việc xây dựng chính sách và tổ chức thi hành pháp luật;...” (khoản 1 Điều 28 Luật Tổ chức Chính phủ).

- Hiện nay, thẩm quyền xây dựng giá điện hai thành phần, hướng dẫn về giá tạm thời quy định tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP và các nội dung liên quan đến cơ chế giá điện khuyến khích cho khách hàng tham gia vào chương trình quản lý nhu cầu điện tại Quyết định số 28/2014/QĐ-TTg nhưng lại chưa được quy định trong Luật về việc giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Thực tế vừa qua, Bộ Công Thương đã phê duyệt giá tạm thời cho các nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyên tiếp và nhà máy điện khác để giải quyết việc huy động, tránh lãng phí nguồn tài nguyên, nguồn lực đầu tư của xã hội. Ngoài ra, các nội dung về phương pháp xác định chi phí và giá điện nhà máy điện do nhà nước độc quyền xây dựng, vận hành và nhà máy thủy điện nhỏ chưa được quy định trong Luật về việc giao cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Do đó, cần thiết phải bổ sung nội dung giao thẩm quyền quy định chi tiết về các nội dung này để có cơ sở triển khai thực hiện.

+ Về mua bán điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia và mua điện trực tiếp với nước ngoài không qua hệ thống điện quốc gia tại khu vực biên giới

Căn cứ Điều 28 Luật Điện lực hiện hành và Nghị định số 137/2013/NĐ-CP của Chính phủ, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 09/2015/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục phê duyệt chủ trương mua, bán điện với nước ngoài, trong đó có quy định 01 thủ tục hành chính liên quan đến việc phê duyệt chủ trương với nước ngoài. Theo quy định tại khoản 4 Điều 14

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung), Thông tư của Bộ trưởng chỉ được quy định thủ tục hành chính trong trường hợp được Luật, nghị quyết của Quốc hội giao, do vậy, Dự thảo Luật này đề xuất sửa đổi nội dung liên quan cho phù hợp.

- Về quản lý, vận hành hệ thống điện

+ Về vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia

Luật Điện lực hiện hành thiếu quy định về phân cấp cụ thể cho Bộ Công Thương - là Bộ quản lý chuyên ngành thực hiện trách nhiệm quy định, hướng dẫn các vấn đề kỹ thuật, vận hành hệ thống điện để cập nhật, điều chỉnh các quy định kỹ thuật, vận hành hệ thống điện để đáp ứng yêu cầu thực tế của hệ thống điện quốc gia phải thường xuyên cập nhật theo thực tiễn đổi mới công nghệ và mức độ phát triển của xã hội.

+ Về tiết kiệm điện

Luật Điện lực năm 2004 quy định 01 chương về “tiết kiệm trong phát điện, truyền tải, phân phối và sử dụng điện”, trong đó đã quy định về chính sách và biện pháp khuyến khích, thúc đẩy tiết kiệm điện. Năm 2010, Quốc hội ban hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trong đó, quy định về chính sách sử dụng năng lượng (bao gồm điện) tiết kiệm, hiệu quả. Đặc biệt là các quy định về các khâu sử dụng năng lượng cuối cùng (trong đó bao gồm cả sử dụng năng lượng điện) đã được quy định chi tiết trong Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản dưới Luật. Tuy nhiên, Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả chưa quy định tiết kiệm điện trong phát điện, truyền tải, phân phối điện và sử dụng điện mang những yếu tố đặc thù của ngành điện. Do đó, cần quy định về định mức tiêu hao điện tự dùng trong các loại nhà máy điện và phân cấp cho địa phương trong việc kiểm tra việc tuân thủ định mức tiêu hao năng lượng điện tự dùng.

+ Về quản lý nhu cầu điện

Trong thực tiễn triển khai, các chương trình quản lý nhu cầu điện chưa được áp dụng hiệu quả với nhu cầu thực tiễn do cơ chế chính sách chưa đủ tính khuyến khích các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện tham gia vào quản lý nhu cầu điện. Thực trạng tiêu thụ điện hiện nay còn chưa hiệu quả, tiết kiệm, do đó, cần phải có giải pháp, cơ chế chính sách nhằm điều chỉnh hành vi, thói quen sử dụng điện, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng của đất nước. Đây là một trong các giải pháp quan trọng trong công tác vận hành, điều độ hệ thống điện, đặc biệt trong bối cảnh cân đối cung cầu còn hạn chế tại một số thời điểm. Vì vậy, Dự thảo Luật này cần xem xét bổ sung các quy định về việc quản lý nhu cầu điện nhằm giải quyết tồn tại, vướng mắc nêu trên.

- Về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện, an toàn điện sau công tơ và an toàn đập, hồ chứa thủy điện

+ Về an toàn trong sử dụng điện

Các nội dung về an toàn sử dụng điện (đặc biệt là an toàn điện trong sinh

hoạt và dịch vụ) chưa được quy định một cách đầy đủ, hệ thống trong Luật và các văn bản dưới luật, một số vấn đề liên quan đến các hành vi đe dọa an toàn vận hành lưới điện, đe dọa tính mạng và tài sản người dân do tai nạn điện gây ra cũng chưa có quy định cấm, vì vậy, các cơ quan chức năng đang gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý.

Thực tế đã và đang xuất hiện các hành vi vi phạm quy định an toàn điện trong sinh hoạt và dịch vụ gây mất an toàn sử dụng điện như: Tự ý tăng công suất phụ tải sử dụng điện vượt quá nhu cầu đăng ký trong hợp đồng mua bán điện; Tự ý kéo điện sử dụng sai mục đích đã đăng ký trong hợp đồng mua bán điện; Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa hệ thống điện phục vụ sản xuất, sinh hoạt, dịch vụ có công suất thiết kế thấp hơn nhiều so với nhu cầu sử dụng; sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện không đảm bảo chất lượng, không thực hiện kiểm định thiết bị điện định kỳ theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Hậu quả là các vụ tai nạn về điện có xu hướng tăng cao. Theo thống kê sơ bộ từ các địa phương trên cả nước trong giai đoạn vài năm trở lại đây, bình quân mỗi tỉnh xảy ra 5 - 8 vụ tai nạn về điện/năm, đặc biệt khu vực miền Tây Nam Bộ bình quân 10 - 15 vụ/năm, cá biệt khu vực Cà Mau có năm lên đến 20 vụ, làm chết và bị thương nhiều người, gây hư hỏng tài sản, thiệt hại về kinh tế...

Để có cơ sở pháp lý giải quyết triệt để những hạn chế về an toàn điện nhất là an toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ cần thiết phải bổ sung vào Dự thảo Luật Điện lực sửa đổi các quy định cụ thể hơn về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý nhà nước trong việc sử dụng điện an toàn, cũng như quy định cụ thể trách nhiệm xây dựng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện trong quá trình sử dụng điện, đặc biệt là an toàn điện trong sinh hoạt và dịch vụ để làm cơ sở giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung liên quan.

+ Về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện

Công tác kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện đang tổ chức thực hiện theo Nghị định số 51/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP về an toàn điện và Thông tư số 33/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện.

Các tổ chức kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện được cấp giấy đăng ký hoạt động kiểm định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định (theo Luật Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa).

Luật Điện lực hiện hành và Nghị định số 107/2016/NĐ-CP chưa có quy định cụ thể về quy trình kiểm định, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc kiểm định thiết bị, dụng cụ điện (quy định về nội dung kiểm định cho từng thiết bị, dụng cụ điện còn chưa đầy đủ, chưa cụ thể hóa các hạng mục kiểm định bắt buộc) dẫn đến hệ lụy là nhiều tổ chức kiểm định hiện nay có năng lực yếu, không có phòng thí nghiệm, quy trình kiểm định, các máy móc thiết bị phục vụ hoạt động kiểm định có thể đi mượn... nhưng vẫn đáp ứng được điều kiện để cấp giấy chứng nhận

đăng ký hoạt động kiểm định theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP. Do đó, công tác cấp giấy đăng ký hoạt động kiểm định cho các tổ chức kiểm định khó kiểm soát về chất lượng dịch vụ kiểm định. Về lâu dài có thể dẫn đến tình trạng các thiết bị điện kém chất lượng những vẫn được tổ chức kiểm định đánh giá đáp ứng chất lượng để sử dụng, dẫn đến nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống điện và người sử dụng.

Do đó, cần phải thực hiện xây dựng quy trình kiểm định khung quy định chi tiết các hạng mục kiểm định bắt buộc đối với từng loại thiết bị, dụng cụ điện. Ngoài ra, đối với các thiết bị đặc thù (hệ thống hợp bộ kết nối nhiều thiết bị, hệ thống GIS, HGIS (compact), máy biến dòng điện thụ động công suất thấp, máy biến điện áp thụ động công suất thấp, ...) cần quy định các nội dung kiểm định theo hướng dẫn của nhà chế tạo. Đối với các thiết bị điện đang vận hành thuộc đường dây trên không (Recloser, chống sét van,..), cấp ngầm gặp khó khăn trong việc tiếp cận và không đảm bảo an toàn khi thực hiện các hạng mục kiểm định theo quy định, vì vậy, cần có các phương pháp áp dụng kiểm tra online để đánh giá chất lượng.

Tuy nhiên, để tránh phát sinh các thủ tục hành chính mới và tránh sự chồng chéo với các Luật chuyên ngành khác thì các quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện trong Dự thảo Luật cần được xây dựng trên nguyên tắc tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa (lĩnh vực đánh giá sự phù hợp) và chỉ bổ sung các quy định cụ thể về trách nhiệm của người sử dụng điện, của đơn vị dịch vụ kiểm định và cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm định thiết bị, dụng cụ điện.

+ Về an toàn đập, hồ chứa thủy điện (an toàn công trình thủy điện)

Luật Điện lực hiện hành chưa có quy định chi tiết về công tác an toàn đối với công trình thủy điện như vận hành an toàn hồ chứa, công tác đảm bảo an toàn vùng hạ du đập thủy điện, công tác quản lý hoạt động trong phạm vi bảo vệ an toàn đập, hồ chứa thủy điện, công tác phối hợp giữa đơn vị quản lý vận hành công trình với các cấp chính quyền địa phương trong công tác phòng chống thiên tai và ứng phó tình huống khẩn cấp. Kết quả rà soát các Luật chuyên ngành khác như: Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, Luật Phòng, chống thiên tai, Luật Điều cho thấy quy định về an toàn đối với công trình thủy điện còn rất thiếu (Luật Tài nguyên nước chỉ quy định về quy trình vận hành hồ chứa và liên hồ chứa thủy điện; Luật Thủy lợi chỉ quy định nội dung về “vận hành hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi” và các quy định chung về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước, không có quy định nào về trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy điện và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về an toàn đập, hồ chứa thủy điện). Hiện nay, văn bản quy phạm pháp luật cao nhất điều chỉnh nội dung này là Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước (hướng dẫn thi hành Luật Thủy lợi). Thực tiễn cho thấy, việc quản lý an toàn công trình thủy điện có nhiều đặc thù khác biệt so với công trình thủy lợi như:

Nhiều công trình thủy điện có quy mô lớn hơn so với công trình thủy lợi; nhiều công trình thủy điện có tuyến năng lượng dài, chỉ xả nước qua đập để đảm

bảo dòng chảy tối thiểu và khi xả điều tiết lũ, mục tiêu vận hành công trình khác nhau nên quy trình vận hành công trình thủy điện có nhiều khác biệt so với công trình thủy lợi và có khả năng ảnh hưởng lớn hơn tới hạ du.

Nhiều công trình thủy điện được xây dựng, khai thác, vận hành trên các bậc thang của cùng một con sông nhưng chưa có quy định cụ thể về sự phối hợp giữa các công trình cũng như trách nhiệm của các chủ đập trong việc xây dựng bản đồ ngập lụt phía hạ du và tổ chức triển khai phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp.

Đối tượng quản lý đối với thủy điện và thủy lợi cũng có sự khác nhau: Chủ công trình thủy điện là doanh nghiệp (chủ yếu là tư nhân), còn chủ công trình thủy lợi đa số là cơ quan, doanh nghiệp nhà nước.

Ngoài ra công trình thủy điện có tầm ảnh hưởng xuyên biên giới, công trình liên quan đến an ninh năng lượng chưa có sự ràng buộc về mặt pháp lý về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan.

Do chưa có Luật chuyên ngành quy định cụ thể về an toàn đối với công trình thủy điện, để có cơ sở pháp lý đầy đủ với đối tượng là công trình thủy điện, cần thiết phải bổ sung mục riêng về an toàn công trình thủy điện theo hướng chỉ bổ sung các quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc quản lý an toàn công trình thủy điện.

+ Về an toàn công trình nguồn điện nhất là điện gió, điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới: Đứng trước bối cảnh sự gia tăng của nguồn điện năng lượng tái tạo, việc bổ sung quy định liên quan đến an toàn công trình nguồn điện này là hết sức cần thiết.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, Chính phủ đề xuất sửa đổi Luật Điện lực năm 2004 nhằm cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển điện lực với tính chất là ngành kết cấu hạ tầng kỹ thuật quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, phát triển bền vững trên cơ sở khai thác tối ưu mọi nguồn lực, đáp ứng nhu cầu điện năng phục vụ đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng ổn định, an toàn và kinh tế, dịch vụ văn minh, bảo vệ môi trường, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia, phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật, phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; khắc phục các khó khăn, bất cập trong thực tiễn triển khai thi hành Luật Điện lực năm 2004.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích

- Hoàn thiện quy định pháp luật về điện lực, phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, luật hóa định hướng chủ trương, chính sách của Nghị quyết số 55-NQ/TW; Nghị quyết số 36-NQ/TW; Nghị quyết số 16/2021/QH15; Nghị quyết số 937/NQ-UBTVQH15; Nghị quyết số 140/NQ-CP của Chính phủ về đổi mới cơ chế, chính sách, phát triển thị trường năng lượng đồng bộ, liên

thông, hiện đại và hiệu quả, phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Hoàn thiện Luật Điện lực nhằm tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, khả thi cho hoạt động điện lực và sử dụng điện. Đảm bảo sự phù hợp và đồng bộ giữa chính sách phát triển điện lực với các chính sách có liên quan khác, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật liên quan, đồng thời, khắc phục các bất cập trong quá trình thực thi Luật Điện lực hiện hành.

- Tạo điều kiện cho phát triển nguồn và lưới điện nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của nhân dân và sự phát triển của nền kinh tế - xã hội; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và an ninh năng lượng quốc gia, trong đó, đẩy mạnh việc phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội.

- Đổi mới các nội dung quy định tại luật nhằm nâng cao tính khả thi và tính hiệu quả trong thực thi pháp luật về điện lực, đáp ứng yêu cầu của phát triển ngành điện nói chung và thị trường điện lực cạnh tranh nói riêng, tiến tới xây dựng thị trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh, trong đó, trọng tâm là điều chỉnh cơ chế giá điện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước; bảo đảm phát huy quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh của các đơn vị điện lực, không phân biệt đối xử trong hoạt động điện lực, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động điện lực; kết hợp hài hòa quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng sử dụng điện, đơn vị điện lực và Nhà nước.

- Xây dựng cơ chế chính sách để khuyến khích sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, bảo vệ môi trường và phát triển năng lượng bền vững, đồng thời, hoàn thiện quy định trong quá trình sử dụng điện nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản, giảm thiểu thiệt hại cho gia đình và xã hội.

- Nâng cao tính hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho Chính phủ, Bộ Công Thương và các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp phù hợp với đặc thù của ngành điện lực là ngành kỹ thuật, thường xuyên thay đổi để phù hợp với sự cải tiến của khoa học, kỹ thuật góp phần tích cực trong công tác bảo đảm an ninh cung cấp điện.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Xây dựng Luật để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm xây dựng và phát triển ngành điện phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Đảm bảo sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với các hoạt động điện lực, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; trong đó phân định rõ chức năng quản lý, điều tiết của nhà nước về điện lực và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh điện của doanh nghiệp.

- Tập trung các nguồn lực để sửa đổi, hoàn thiện Luật Điện lực một cách

đồng bộ, toàn diện, đảm bảo tính khả thi; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế để hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hình thành và vận hành thị trường bán lẻ điện cạnh tranh hoàn chỉnh.

- Chú trọng đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến và tận dụng có hiệu quả cuộc cách mạng công nghệ lần thứ tư.

- Cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động điện lực kết hợp với việc cải cách toàn diện công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về điện lực, giữ vững kỷ cương và sự bền vững của thị trường.

- Kế thừa, tiếp tục phát triển và hoàn thiện những quy định pháp luật về điện lực còn phù hợp với thực tế và đã có tác động tích cực đối với sự phát triển của ngành điện, đồng thời chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định đã phát sinh hạn chế, vướng mắc trong quá trình thực hiện, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính tương thích với cam kết quốc tế có liên quan; xác định rõ nội dung, nguyên tắc áp dụng Luật Điện lực bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật Điện lực và các luật khác có liên quan.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN LUẬT ĐIỆN LỰC (SỬA ĐỔI)

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Dự thảo Luật Điện lực (sửa đổi) bám sát 06 chính sách đã được Chính phủ thông qua và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Tờ trình số 82/TTr-CP ngày 05 tháng 3 năm 2024 đề nghị của Chính phủ về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và không bổ sung chính sách mới, bao gồm:

- Chính sách 1: Quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực nhằm bảo đảm an ninh năng lượng cho đất nước.

- Chính sách 2: Phát triển điện năng lượng tái tạo và năng lượng mới.

- Chính sách 3: Hoàn thiện các quy định về điều kiện hoạt động điện lực và việc cấp, thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực.

- Chính sách 4: Quản lý hoạt động mua bán điện theo hướng thúc đẩy thị trường điện cạnh tranh minh bạch, công bằng, hiệu quả và giá điện theo cơ chế thị trường.

- Chính sách 5: Quản lý, vận hành hệ thống điện, chú trọng khuyến khích sử dụng điện tiết kiệm, tăng cường thực hiện giải pháp quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải điện.

- Chính sách 6: An toàn sử dụng điện sau công tơ và bảo đảm an toàn đập, hồ chứa thủy điện trong giai đoạn xây dựng và vận hành công trình thủy điện.

Để làm rõ hơn về 06 chính sách được xây dựng, phạm vi điều chỉnh của Luật Điện lực (sửa đổi) quy định về quy hoạch phát triển điện lực và đầu tư xây dựng dự án điện lực; phát triển điện năng lượng tái tạo và điện năng lượng mới; giấy phép hoạt động điện lực; thị trường điện lực, hoạt động mua bán điện; trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện; vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia; bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện; quản lý nhà nước về điện lực. (Nội dung này được hiệu chỉnh cho phù hợp với nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo luật).

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Trên cơ sở các chính sách được xây dựng, đối tượng áp dụng của Luật Điện lực (sửa đổi) bao gồm cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động điện lực, sử dụng điện hoặc có các hoạt động khác liên quan đến hoạt động điện lực tại Việt Nam. (Nội dung này được hiệu chỉnh cho phù hợp với nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo luật).

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan, tổ chức liên quan xây dựng dự án Luật Điện lực (sửa đổi). Việc soạn thảo dự án Luật theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) với các hoạt động cụ thể như sau:

1. Bộ Công Thương đã chủ động rà soát, đánh giá các bộ luật, luật, nghị quyết của Quốc hội có liên quan đến hoạt động điện lực và xây dựng báo cáo rà soát, đã phát hiện có một số luật liên quan trực tiếp đến hoạt động điện lực; xác định rõ những nội dung, chính sách đề xuất sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật Điện lực.

2. Bộ Công Thương đã thực hiện tổng kết, đánh giá quy định của Luật Điện lực hiện hành.

3. Ngày 04 tháng 3 năm 2024, Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Điện lực (sửa đổi) đã được thành lập theo Quyết định số 462/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương, trong đó, Ban soạn thảo gồm 47 thành viên đến từ Cơ quan Đảng (Ban Tuyên giáo Trung ương); các tổ chức chính trị, xã hội, hiệp hội (Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Hội Điện lực Việt Nam, Hội Bảo vệ người tiêu dùng); 14 Bộ, cơ quan ngang Bộ (Bộ Công Thương là cơ quan chủ trì soạn thảo cùng với các cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng); một số Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 02 tập đoàn có nhiều hoạt động trong lĩnh vực điện lực (Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

4. Trong tháng 3 năm 2024, Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Điện lực (sửa đổi) đã tổ chức họp, thông qua Đề cương chi tiết luật và Dự thảo Luật Điện lực (sửa đổi).

5. Dự thảo Luật đã được gửi lấy ý kiến theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật như sau:

a) Đăng tải toàn văn dự thảo luật và tờ trình trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương ngày 29 tháng 3 năm 2024 để lấy ý kiến rộng rãi của người dân, doanh nghiệp;

b) Lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Bộ, cơ quan có liên quan, các đơn vị điện lực và các hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực điện lực (Công văn số 2034/BCT-ĐTĐL ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Bộ Công Thương đề nghị có ý kiến đối với dự án Luật Điện lực (sửa đổi) và Công văn số 2919/BCT-ĐTĐL ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Bộ Công Thương về việc đơn đốc gửi ý kiến đối với dự án Luật Điện lực (sửa đổi) gửi đến các đơn vị chưa có ý kiến đối với dự thảo).

c) Tổ chức 03 hội thảo (tại Hà Nội, Quảng Bình và Phú Yên) từ ngày 03 tháng 5 năm 2024 đến ngày 16 tháng 5 năm 2024 với sự tham gia của 333 đại biểu đến từ các doanh nghiệp hoạt động điện lực, đại diện cơ quan quản lý nhà nước trên phạm vi toàn quốc, các tổ chức quốc tế, hiệp hội và các chuyên gia, các nhà khoa học.

d) Ngoài ra, Bộ Công Thương đã trực tiếp trao đổi, làm việc với các chuyên gia quốc tế để hiểu sâu mô hình quản lý, bối cảnh quy định, trình độ phát triển, thực tiễn triển khai các chính sách tại một số quốc gia tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia có điều kiện tương đồng với Việt Nam. Đồng thời, đã tổ chức nhiều buổi làm việc với chuyên gia trong nước, các hiệp hội, các doanh nghiệp là đối tượng chịu sự tác động để góp ý với các nội dung trong dự thảo luật.

Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Bộ Công Thương đã nhận được 122 văn bản (01 văn bản của Ủy ban khoa học công nghệ và môi trường của Quốc hội; 20 văn bản của Bộ, cơ quan ngang bộ, 60 văn bản của cơ quan cấp tỉnh, 13 văn bản của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương, 26 văn bản của các hiệp hội, doanh nghiệp hoạt động điện lực và 01 ý kiến bằng văn bản của chuyên gia về thị trường điện) và 01 ý kiến trên cổng thông tin điện tử.

Trên cơ sở các ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị-xã hội, các doanh nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực điện lực, Bộ Công Thương đã tổ chức tiếp thu, giải trình và hoàn thiện Dự thảo Luật.

đ) Dự thảo Luật sau khi chỉnh lý và Bảng giải trình, tiếp thu ý kiến đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương ngày 11 tháng 6 năm 2024.

6. Hồ sơ dự án Luật Điện lực (sửa đổi) đã được Bộ Công Thương gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định tại Công văn số 4006/BCT-ĐTĐL ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Công Thương.

7. Bộ Tư pháp đã tổ chức thẩm định dự thảo Luật và có Báo cáo thẩm định số 159/BCTĐ-BTP ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc thẩm định Dự án Luật Điện lực (sửa đổi) gửi Bộ Công Thương.

8. Ngày 24 tháng 7 năm 2024, Chính phủ đã họp cho ý kiến về nội dung của dự án luật và thông qua tại Nghị quyết số 118/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2024. Đến nay, dự án Luật Điện lực (sửa đổi) đã cơ bản hoàn thiện, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội thảo luận, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

Dự thảo Luật bám sát vào 06 chính sách đã được Chính phủ trình Quốc hội và không bổ sung chính sách mới.

1. Bố cục

Dự thảo Luật Điện lực bao gồm 9 chương với 121 điều. Các Chương của dự thảo Luật được sắp xếp, bố cục lại cụ thể như sau:

a) Chương I. Quy định chung bao gồm 07 điều (từ Điều 1 đến Điều 7) quy định về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Áp dụng pháp luật (Điều 3); Giải thích từ ngữ (Điều 4); Chính sách của Nhà nước về phát triển điện lực (Điều 5); Hợp tác quốc tế và ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động điện lực (Điều 6); Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện (Điều 7).

b) Chương II. Quy hoạch phát triển điện lực và đầu tư dự án điện lực bao gồm 03 mục với 21 điều như sau:

- Mục 01. Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh và kế hoạch thực hiện quy hoạch, bao gồm 10 điều quy định về: Yêu cầu của việc lập quy hoạch (Điều 8); Phạm vi của Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tỉnh (Điều 9); Lập, phê duyệt, công bố và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Điều 10); Lập, phê duyệt và điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tỉnh (Điều 11); Yêu cầu việc lập Kế hoạch thực hiện quy hoạch (Điều 12); Nội dung lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch (Điều 13); Điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch (Điều 14); Tiến độ dự án nguồn điện (Điều 15); Điều chỉnh các mốc tiến độ dự án nguồn điện (Điều 16); Cơ chế xử lý các dự án nguồn điện chậm tiến độ (Điều 17).

- Mục 02. Đầu tư xây dựng dự án, công trình điện lực, gồm 09 điều quy định về: Quy định chung (Điều 18); Các trường hợp đầu tư xây dựng dự án, công trình điện khẩn cấp (Điều 19); Thẩm quyền quyết định danh mục dự án, công trình điện khẩn cấp (Điều 20); Các quy định ưu tiên đối với đầu tư dự án, công trình điện khẩn cấp (Điều 21); Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án lưới điện đi qua địa giới hành chính của từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên (Điều 22); Chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án thủy điện (Điều 23); Trách nhiệm của chủ đầu tư (Điều 24); Phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới,

hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Điều 25); Sử dụng đất cho các dự án điện lực (Điều 26).

- Mục 03. Lựa chọn nhà đầu tư dự án điện lực, gồm 02 điều quy định về: Phương thức lựa chọn nhà đầu tư dự án điện lực (Điều 27); Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án điện lực không thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư công (Điều 28).

c) Chương III. Phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới bao gồm 09 điều (từ Điều 29 đến Điều 37) quy định về: Quy định chung trong phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới (Điều 29); Khảo sát tiềm năng, định hướng phát triển (Điều 30); Phát triển điện tự sản tự tiêu từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới (Điều 31); Phát triển điện gió ngoài khơi (Điều 32); Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp trong dự án điện gió ngoài khơi (Điều 33); Phát triển điện từ năng lượng mới (Điều 34); Cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị dự án điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới (Điều 35); Tháo dỡ dự án điện năng lượng mới, điện năng lượng tái tạo sau khi chấm dứt hoạt động (Điều 36); Quản lý, vận hành điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới (Điều 37).

d) Chương IV. Giấy phép hoạt động điện lực bao gồm 13 điều (từ Điều 38 đến Điều 50) quy định về điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực và việc cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực, trong đó bao gồm: Nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động điện lực (Điều 38); Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện (Điều 39); Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực truyền tải điện (Điều 40); Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện (Điều 41); Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán buôn điện (Điều 42); Điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện (Điều 43); Các trường hợp cấp giấy phép hoạt động điện lực (Điều 44); Miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực (Điều 45); Nội dung của giấy phép hoạt động điện lực (Điều 46); Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực (Điều 47); Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực (Điều 48); Thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép hoạt động điện lực (Điều 49); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp phép (Điều 50).

đ) Chương V. Hoạt động mua bán điện bao gồm 03 mục với 28 điều như sau:

- Mục 1. Thị trường điện cạnh tranh gồm 11 điều (từ Điều 51 đến Điều 61) quy định về: Nguyên tắc hoạt động (Điều 51); Cấp độ phát triển thị trường điện cạnh tranh (Điều 52); Đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh các cấp độ (Điều 53); Mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ (Điều 54); Hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ (Điều 55); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phát điện khi tham gia thị trường điện cạnh tranh (Điều 56); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán buôn điện tham gia thị trường điện cạnh tranh (Điều 57); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện tham gia thị trường điện cạnh tranh (Điều 58); Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện khi tham gia thị trường điện cạnh tranh (Điều 59); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện cung cấp dịch vụ truyền tải điện,

phân phối điện trong thị trường điện cạnh tranh (Điều 60); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực (Điều 61).

- Mục 2. Hợp đồng mua bán điện và dịch vụ cung cấp điện gồm 14 điều (từ Điều 62 đến Điều 75) quy định về: Hợp đồng mua bán điện giữa bên bán điện và bên mua điện, hợp đồng bán buôn điện và hợp đồng dịch vụ phụ trợ hệ thống điện (Điều 62); Mua bán điện giữa đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện (Điều 63); Hợp đồng kỳ hạn điện (Điều 64); Mua bán điện với nước ngoài (Điều 65); Mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện (Điều 66); Thanh toán tiền điện trong hợp đồng mua bán điện đối với khách hàng sử dụng điện (Điều 67); Ngừng, giảm mức cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện (Điều 68); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phát điện (Điều 69); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị truyền tải điện (Điều 70); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phân phối điện (Điều 71); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán buôn điện (Điều 72); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện (Điều 73); Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện (Điều 74); Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện lớn (Điều 75).

- Mục 3. Giá điện và giá các dịch vụ về điện gồm 03 điều (từ Điều 76 đến Điều 78) quy định về: Các loại giá điện và dịch vụ về điện (Điều 76); Căn cứ lập, điều chỉnh giá điện và giá các dịch vụ về điện (Điều 77); Giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo (Điều 78).

e) Chương VI. Vận hành, điều độ Hệ thống điện quốc gia bao gồm 13 điều (từ Điều 79 đến Điều 91) quy định: Nguyên tắc vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia (Điều 79); Hệ thống truyền tải điện (Điều 80); Hệ thống phân phối điện (Điều 81); Quản lý nhu cầu điện (Điều 82); Liên kết lưới điện với nước ngoài (Điều 83); Tiết kiệm trong phát điện (Điều 84); Tiết kiệm trong truyền tải, phân phối điện (Điều 85); Tiết kiệm trong sử dụng điện (Điều 86); Đo đếm điện (Điều 87); Bảo đảm chất lượng điện năng (Điều 88); Quyền và nghĩa vụ của các đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia (Điều 89); Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực trong vận hành (Điều 90); Quyền và nghĩa vụ của khách hàng khi đấu nối vào lưới điện (Điều 91).

g) Chương VII. Bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện bao gồm 03 mục với 23 điều như sau:

- Mục 1. Bảo vệ công trình điện lực bao gồm 08 điều (từ Điều 92 đến Điều 99) quy định: Trách nhiệm bảo vệ công trình điện lực (Điều 92); Trách nhiệm phối hợp thực hiện khi xây dựng, cải tạo, kết thúc sử dụng công trình điện lực và các công trình khác (Điều 93); Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực (Điều 94); Bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không (Điều 95); Bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm (Điều 96); Bảo vệ an toàn trạm điện (Điều 97); Bảo vệ an toàn công trình nguồn điện (Điều 98); Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện (Điều 99).

- Mục 2. An toàn điện bao gồm 09 điều (từ Điều 100 đến Điều 108) quy định: Yêu cầu chung về an toàn điện (Điều 100); An toàn trong phát điện (Điều 101);

An toàn trong truyền tải điện, phân phối điện (Điều 102); An toàn trong đấu nối vào hệ thống điện quốc gia (Điều 103); An toàn trong sử dụng điện cho sản xuất (Điều 104); An toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ (Điều 105); An toàn điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo (Điều 106); Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp (Điều 107); Xử lý sự cố điện (Điều 108).

- Mục 3. An toàn công trình thủy điện bao gồm 06 điều (từ Điều 109 đến Điều 114) quy định: Nguyên tắc quản lý an toàn đối với công trình thủy điện (Điều 109); Phân loại và phân cấp công trình thủy điện (Điều 110); An toàn trong giai đoạn xây dựng, trước khi đưa vào vận hành (Điều 111); An toàn trong giai đoạn quản lý, khai thác (Điều 112); Phạm vi bảo vệ công trình thủy điện (Điều 113); Hệ thống thông tin dữ liệu về vận hành công trình thủy điện (Điều 114).

h) Chương VIII. Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện lực gồm 04 điều (từ Điều 115 đến Điều 118).

i) Chương IX. Điều khoản thi hành gồm 03 điều (từ Điều 119 đến Điều 121).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

Dự thảo Luật kế thừa và có sửa đổi chủ yếu 62 điều về quy định chung, cấp giấy phép hoạt động điện lực, thị trường điện, mua bán điện, giá điện, quyền và nghĩa vụ của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện, bảo vệ công trình điện lực và an toàn điện, bỏ 04 điều (tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực; quyền và nghĩa vụ của đơn vị tư vấn chuyên ngành điện lực; thanh tra điện lực), gộp 04 điều vào các điều khác (chủ yếu về nội dung chính sách phát triển về đầu tư, tiết kiệm điện và giá điện). Bổ sung 59 điều gồm các nội dung về quy hoạch phát triển điện lực, chính sách đầu thầu chủ đầu tư các dự án nguồn điện, chính sách xử lý các nguồn điện khẩn cấp, các chính sách về năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió), năng lượng mới với điều kiện tiên bộ khoa học kỹ thuật phù hợp (như hydrogen), cơ chế mua bán điện trực tiếp, triển khai đầy đủ các cấp độ của thị trường điện cạnh tranh, tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các thành phần kinh tế, các loại giá điện, giá mua bán điện theo thời gian trong ngày, giá điện nhiều thành phần, v.v...

a) Những quy định chung (Chương I)

- Chương này kế thừa và hiệu chỉnh các quy định về giải thích từ ngữ (Điều 4); Chính sách của Nhà nước về phát triển điện lực (Điều 5); Hợp tác quốc tế và ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động điện lực (Điều 6) và Các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện (Điều 7). Trong đó, nội dung về chính sách của Nhà nước về phát triển điện lực được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở gộp chính sách giá điện và chính sách phát triển điện phục vụ nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bỏ quy định về chính sách và biện pháp khuyến khích, thúc đẩy tiết kiệm điện (Điều 13 Luật hiện hành) để tránh chồng chéo với Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và bổ sung “Chính sách phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới” và quy định “Nhà nước khuyến khích nhà máy điện sử dụng nhiên liệu hóa thạch chuyển đổi sang các nguồn nhiên liệu phát thải thấp” để định hướng

phát triển loại hình này hướng tới mục tiêu bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, chuyển dịch năng lượng và các cam kết giảm phát thải ròng bằng 0 trong thời kỳ mới.

- Chương này đã lược bỏ quy định về Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về điện lực (Điều 6 Luật Điện lực hiện hành) để tránh chồng chéo với Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Chương này đã bổ sung quy định về Áp dụng pháp luật (Điều 3) để làm rõ vấn đề áp dụng pháp luật giữa Luật Điện lực và các luật khác có liên quan để phù hợp với đặc thù của lĩnh vực điện lực.

- Đối với nội dung về Giải thích từ ngữ: bổ sung một số định nghĩa về An toàn công trình thủy điện; An toàn điện; Cấp điện áp; Dịch vụ phụ trợ; Dự án đầu tư điện lực; Điện năng lượng tái tạo; Điện năng lượng mới; Điện tự sản tự tiêu; Điện tự sử dụng; Điểm đấu nối; Hợp đồng kỳ hạn điện; Khung giá điện; Khung giá bán buôn điện; Khung giá phát điện; Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện; Nhà máy điện; Nhà máy điện gió trên biển; Nhà máy điện gió trên đất liền; Thị trường điện giao ngay; Thủy điện nhỏ; Hợp đồng mua bán điện (PPA) để phù hợp với thực tiễn phát sinh;

- Đối với các hành vi bị cấm trong hoạt động điện lực và sử dụng điện: bổ sung chủ yếu một số hành vi bị cấm liên quan đến bảo vệ công trình điện và an toàn trong lĩnh vực điện; bổ sung quy định cấm “Xây dựng công trình điện lực không đúng quy hoạch phát triển điện lực” phù hợp với các nội dung quy định tại dự thảo Luật.

b) Quy hoạch phát triển điện lực và đầu tư dự án điện lực (Chương II)

Chương II có 21 Điều, trong đó, kế thừa Luật Điện lực hiện hành 02 Điều và rút gọn 03 Điều thành 01 Điều trong, bổ sung mới 18 điều, cụ thể như sau:

- Mục 01. Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (QHPTĐL), phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong Quy hoạch tỉnh và kế hoạch thực hiện quy hoạch:

+ Bổ sung một số nội dung yêu cầu có tính chất riêng của quy hoạch ngoài các yêu cầu chung của Luật Quy hoạch và phạm vi của Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (QHPTĐL) và “Phương án phát triển mạng lưới cấp điện” nhằm làm rõ đối tượng quản lý quy hoạch theo phân cấp (quốc gia, tỉnh).

+ Dự thảo đã rút gọn một số quy định về Điều 9, Điều 10 và Điều 12 Luật Điện lực hiện hành thành 01 Điều về lập, phê duyệt công bố và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực (do nội dung chủ yếu được quy định lại Luật Quy hoạch).

+ Bổ sung quy định phân cấp Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân trong việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật thông tin dự án trong QHPTĐL, QH tỉnh nhằm tăng cường phân cấp trong quản lý nhà nước về quy hoạch.

+ Bổ sung quy định về lập, phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch nhằm quy định về: yêu cầu chung; nội dung và trách nhiệm của các cơ quan

quản lý quy hoạch trong lập, trình phê duyệt; các trường hợp điều chỉnh và phân cấp thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch thực hiện quy hoạch.

+ Bổ sung quy định tiến độ dự án nguồn điện; các trường hợp được điều chỉnh tiến độ; cơ chế xử lý các dự án nguồn điện chậm tiến độ nhằm quy định xử lý các dự án nguồn điện chậm tiến độ, trách nhiệm của các chủ đầu tư khi thực hiện chậm trễ các dự án điện, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, trung ương để quản lý tiến độ các dự án điện, đưa ra biện pháp xử lý các dự án điện chậm tiến độ, đề xuất thu hồi dự án theo Luật Đầu tư, Luật Đất đai.

- Mục 2 về đầu tư xây dựng dự án điện lực kế thừa 02 Điều Luật Điện lực hiện hành và bổ sung 07 Điều:

+ Bổ sung quy định yêu cầu chung đối với dự án điện gồm: (i) đánh giá sự phù hợp với quy hoạch; (ii) các trường hợp không thuộc phạm vi quy hoạch và miễn trừ đánh giá sự phù hợp với quy hoạch do việc bổ sung các dự án này không tác động nhiều đến mục tiêu, quy mô của quy hoạch được duyệt; (iii) các nguyên tắc chung cần thiết khác để đảm bảo đầu tư và tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng.

+ Bổ sung quy định về đầu tư xây dựng dự án, công trình điện khẩn cấp nhằm giải quyết các vấn đề bức thiết về bảo đảm an ninh cung cấp điện: quy định các trường hợp dự án, công trình điện khẩn cấp; thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và các quy định để thực hiện dự án, công trình xây dựng điện khẩn cấp.

+ Bổ sung quy định thẩm quyền quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đường dây tải điện đi qua địa giới hành chính của từ 02 tỉnh trở lên, trong đó, quy định nguyên tắc phân chia các dự án đường dây tải điện có cấp điện áp từ 220 kV trở xuống theo địa giới hành chính của từng tỉnh nhằm đẩy mạnh phân cấp quyết định chủ trương đầu tư đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Bổ sung quy định chủ trương đầu tư đối với dự án thủy điện: quy định ngoài nội dung tuân thủ pháp luật về đầu tư và phải bao gồm nội dung về các thông số kỹ thuật chuyên ngành thủy điện. Đây là một nội dung mới mang tính chất đặc thù của loại hình nguồn thủy điện, xuất phát từ thực tiễn triển khai đầu tư xây dựng các dự án thủy điện. Vì vậy các thông số kỹ thuật chính của dự án cũng phải điều chỉnh, thay đổi để phù hợp và tối ưu nhất với điều kiện khảo sát thực tế của khu vực triển khai xây dựng dự án, quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước phối hợp quản lý các thông số này nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, chất lượng công trình xây dựng,...

+ Quy định trách nhiệm của Chủ đầu tư: được kế thừa một số quy định tại Điều 11 Luật Điện lực hiện hành và bổ sung thêm trách nhiệm khi xây dựng các dự án, công trình liên kết lưới điện với nước ngoài trong khu vực biên giới đất liền không được làm thay đổi dấu hiệu nhận biết đường biên giới hoặc ảnh hưởng đến mốc quốc giới.

+ Quy định phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo: kế thừa một số quy định tại Điều 61 Luật Điện lực hiện hành và bổ sung một số quy định cụ thể nhằm bảo đảm cung cấp, đầu tư nguồn năng lượng điện đến cơ bản 100% các hộ dân khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sử dụng điện an toàn và tin cậy.

+ Quy định về đất sử dụng cho dự án điện lực: kế thừa Điều 12 Luật Điện lực hiện hành và cập nhật nội dung theo quy định Luật Quy hoạch, Luật Đất đai.

- Mục 3 về lựa chọn nhà đầu tư dự án điện lực, gồm 02 điều quy định về: Lựa chọn nhà đầu tư các dự án điện lực; Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư các dự án điện lực không thực hiện đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đầu tư công được bổ sung mới so với Luật hiện hành nhằm cụ thể hóa các đối tượng, trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu và không qua đấu thầu trên cơ sở rà soát các quy định pháp luật về Đầu tư, PPP, Đấu thầu.

- Chương này không phát sinh quy định về thủ tục hành chính liên quan đến vấn đề quy hoạch, đầu tư phát triển điện lực, không tạo cơ chế “xin, cho”, đảm bảo ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quy hoạch và đầu tư phát triển điện lực thời gian qua.

c) Phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới (Chương III)

Hiện nay, điện gió ngoài khơi là lĩnh vực mới đối với Việt Nam. Dù pháp luật về Luật Đầu tư có quy định điện gió ngoài khơi là lĩnh vực hạn chế tiếp cận đối với nhà đầu tư nước ngoài (Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) và Nghị quyết số 55-NQ/TW có yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách đột phá cho loại hình này. Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có định nghĩa/khái niệm cụ thể cho loại hình này. Vì vậy, cần thiết luật hóa khái niệm cho loại hình này tại Luật Điện lực. Về môc xác định là ngoài khoảng cách 06 hải lý từ đất liền, dựa theo đường mực nước triều trung bình nhiều năm được xác định theo pháp luật về biển, tài nguyên, môi trường biển. Khái niệm “Nhà máy điện gió trên biển” là rộng hơn “Nhà máy điện gió ngoài khơi”. Việc quy định riêng nhà máy điện gió ngoài khơi là để xây dựng cơ chế, chính sách cho loại hình này theo Nghị quyết số 55-NQ/TW.

Dự thảo đã quy định Nhà máy điện gió ngoài khơi là nhà máy điện gió trên biển, có toàn bộ tuabin điện gió được xây dựng cách đất liền trên 06 hải lý kể từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm. Việc giải thích từ ngữ nhà máy trên biển và trên đất liền là phù hợp và tránh phức tạp khi xây dựng giá điện, lập tổng mức đầu tư theo pháp luật về xây dựng. Thực tế, chủ đầu tư sẽ không xây dựng nhà máy điện gió gồm cả tuabin gió trên đất liền và tuabin gió trên biển.

Nội dung chương này gồm 09 điều (từ Điều 29 đến Điều 37), được bổ sung mới nhằm thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Chính phủ về phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới, cụ thể:

- Quy định các yêu cầu đối với phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới, theo đó, tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động để phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền,

toàn vẹn lãnh thổ, quyền chủ quyền, quyền tài phán, bảo đảm lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động để phát triển điện năng lượng mới, điện năng lượng tái tạo; quy định trách nhiệm của chủ đầu tư dự án điện gió phải mua bảo hiểm để đảm bảo an toàn cho người, công trình (do tính đặc thù của điện gió); các nguyên tắc về quy hoạch, phát triển...

- Bổ sung các quy định liên quan đến trách nhiệm các cơ quan trong việc khảo sát tiềm năng, định hướng phát triển;

- Quy định việc phát triển nguồn điện tự sản tự tiêu cho các mục đích (sinh hoạt, trụ sở cơ quan nhà nước, công trình phục vụ công cộng và nhu cầu cho hành chính sự nghiệp và sản xuất, kinh doanh) và một số chính sách hỗ trợ của nhà nước (UBND cấp tỉnh) cho hộ gia đình;

- Quy định phát triển điện gió ngoài khơi và chính sách hỗ trợ đối với loại hình này (giao Chính phủ quy định) để thể chế hóa Nghị quyết số 55-NQ/TW;

- Quy định phát triển điện từ năng lượng mới căn cứ yêu cầu đảm bảo an ninh năng lượng và điều kiện cho phép về tiến bộ khoa học, kỹ thuật, nguồn nhân lực, khả năng tài chính của nền kinh tế;

- Trong thực tiễn, do sự thay đổi về công nghệ (đặc biệt là điện mặt trời), hiện chưa có quy định của pháp luật cho phép chủ đầu tư thay thế thiết bị hỏng trong quá trình vận hành (do thiết bị cũ không còn được sản xuất), dẫn tới khó khăn, vướng mắc khi thực hiện. Để đáp ứng yêu cầu thực tế, tạo hành lang pháp lý trong thực hiện, Chương này bổ sung quy định trong việc thực hiện sửa chữa, cải tạo, thay thế thiết bị của điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới.

Bên cạnh đó, Chương này quy định trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc phải thực hiện tháo dỡ công trình khi hết thời hạn sử dụng theo pháp luật về xây dựng theo thiết kế hoặc hết thời hạn hoạt động dự án đầu tư theo quy định. Quy định này nhằm mục đích sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, tài nguyên khu vực biển và phù hợp với việc phát triển công nghệ của lĩnh vực này, đặc biệt là điện gió và điện mặt trời.

- Chương này đã thể hiện rõ vấn đề phân cấp, phân quyền giữa Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các cấp về phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới đảm bảo quy định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan ở trung ương và địa phương, đồng thời, tăng cường phân cấp cho địa phương trong việc tổ chức khảo sát, đánh giá tiềm năng phát triển của các loại hình điện năng lượng mới, điện năng lượng tái tạo thuộc phạm vi quản lý địa giới hành chính.

- Chương này không phát sinh quy định về thủ tục hành chính liên quan đến phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới, không tạo cơ chế “xin, cho”, đảm bảo ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

d) Giấy phép hoạt động điện lực (Chương IV)

- Chương này đã kế thừa và có hiệu chỉnh một số quy định tại Luật Điện lực về nguyên tắc cấp giấy phép hoạt động điện lực (đối tượng và phạm vi), làm rõ về các hình thức cấp giấy phép hoạt động điện lực; điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực cụ thể theo từng lĩnh vực hoạt động; nội dung của giấy phép hoạt động điện lực; điều chỉnh, bổ sung quy định về miễn trừ giấy phép hoạt động điện lực (chủ yếu về mức công suất của các cơ sở phát điện để tự sử dụng, không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác); điều chỉnh, bổ sung thêm các trường hợp cần phải thu hồi giấy phép hoạt động điện lực (tổ chức có nhu cầu ngừng hoạt động điện lực hoặc chuyển giao hoạt động điện lực đã được cấp phép cho tổ chức khác; giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động điện lực và bị phát hiện; không thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi vi phạm các quy định về giấy phép hoạt động điện lực và không thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn quy định); điều chỉnh, bổ sung quy định về thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực; điều chỉnh, bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực được cấp phép.

- Chương này đã lược bỏ quy định chung về hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi tại Luật Điện lực hiện hành và điều chỉnh theo hướng bổ sung quy định giao Chính phủ quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn giấy phép hoạt động điện lực. Bỏ điều kiện hoạt động điện lực và cấp giấy phép đối với lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực.

- Chương này đã bổ sung quy định về: (i) Các trường hợp cấp giấy phép hoạt động điện lực để làm rõ hơn về các trường hợp cấp giấy phép hoạt động điện lực nhằm mục đích phân biệt rõ ràng giữa cấp mới, cấp lại, gia hạn giấy phép, để từ đó quy định rõ ràng hơn, đơn giản hơn đối với thủ tục hành chính cấp lại và gia hạn giấy phép; (ii) Thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực theo hướng tăng thời hạn giấy phép của lĩnh vực phát điện lên thành tối đa 20 năm nhằm mục đích đơn giản hóa thủ tục hành chính (giảm số lần các tổ chức, cá nhân hoạt động phát điện phải làm thủ tục cấp lại khi giấy phép hết hiệu lực), nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất trong lĩnh vực phát điện.

- Chương này đã thể hiện rõ vấn đề phân cấp, phân quyền giữa Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các cấp về trách nhiệm quản lý nhà nước (cấp phép và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định liên quan đến Giấy phép hoạt động điện lực theo hướng tăng cường phân cấp cho địa phương.

đ) Hoạt động mua bán điện (Chương V)

- Chương này đã kế thừa và có hiệu chỉnh các quy định tại Luật Điện lực về Nguyên tắc hoạt động; Cấp độ phát triển thị trường điện cạnh tranh (điều chỉnh các điều kiện cần thiết phải hoàn thành để đáp ứng yêu cầu vận hành của các cấp độ thị trường điện cạnh tranh); Đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ; Mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ (Bổ sung Hợp đồng kỳ hạn điện là một dạng hợp đồng trong hình thức mua bán thông qua

hợp đồng giữa bên bán điện và bên mua điện trong thị trường điện cạnh tranh); Hoạt động, điều hành giao dịch trên thị trường điện cạnh tranh theo các cấp độ; các điều về Quyền và nghĩa vụ của các đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh (kế thừa và luật hóa một số quyền và nghĩa vụ của các đơn vị để phân biệt rõ quyền và nghĩa vụ khi tham gia thị trường cạnh tranh và không tham gia mua bán trên thị trường cạnh tranh); Hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và bên mua điện; Mua bán điện bán điện giữa đơn vị phát điện và bên mua điện; Mua bán điện với nước ngoài; Thanh toán tiền điện trong hợp đồng mua bán điện với khách hàng sử dụng điện; Ngừng giảm mức cung cấp điện đối với khách hàng sử dụng điện; Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực (bao gồm đơn vị phát điện, truyền và nghĩa vụ của đơn vị điện buôn điện, bán lẻ điện) và của khách hàng sử dụng điện, khách hàng sử dụng điện lớn; Mua bán điện nước ngoài; Căn cứ lập và điều chỉnh giá điện; Giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo (xây dựng giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia, phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực).

- Chương này bổ sung mới quy định về:

+ Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực (được luật hóa từ văn bản dưới luật sau khi đơn vị này được hình thành và hoạt động ổn định theo các cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh).

+ Bổ sung Hợp đồng kỳ hạn điện: Hợp đồng kỳ hạn điện là một hợp đồng tài chính phái sinh để các bên quản lý rủi ro khi tham gia thị trường điện. Đặc trưng của thị trường điện cạnh tranh là giá điện trên thị trường giao ngay biến động rất nhanh theo từng chu kỳ giao dịch (hiện nay là 30 phút) và hợp đồng kỳ hạn điện chính là dịch vụ tài chính phái sinh hữu hiệu và cần thiết để bên bán và bên mua quản lý rủi ro trước các biến động liên tục của giá điện trên thị trường điện giao ngay và được áp dụng phổ biến ở các quốc gia phát triển thị trường điện cạnh tranh. Đồng thời, khi áp dụng cơ chế hợp đồng kỳ hạn điện trong thị trường điện còn liên quan đến cơ chế thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với các giao dịch của hợp đồng này. Theo thông lệ quốc tế tại các nước có thị trường điện hoàn chỉnh (như Úc, Singapore, Ai-len,...) và đang áp dụng hợp đồng kỳ hạn điện (Forward) hoặc hợp đồng hoán đổi (Swap) trong thị trường điện, đồng thời các giao dịch thông qua hợp đồng này thuộc đối tượng không chịu thuế VAT/GST. Trong các năm vừa qua, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính để nghiên cứu về cơ chế thuế VAT trong trường hợp áp dụng về hợp đồng kỳ hạn điện trong thị trường điện. Việc quy định hợp đồng kỳ hạn điện tại Luật là cơ sở pháp lý để hướng dẫn cơ chế thuế VAT đối với hợp đồng này. Đây cũng là yêu cầu cần thiết để xử lý các vấn đề bất cập của thị trường bán buôn điện hiện nay, tạo điều kiện mở rộng phạm vi thị trường bán buôn điện cạnh tranh, tạo tiền đề cho thị trường bán lẻ điện sau này. Ngoài ra, bổ sung trách nhiệm của Bộ Công Thương ban hành các nội dung chính của Hợp đồng kỳ hạn điện hướng dẫn triển khai trong thực tiễn.

+ Bổ sung quy định về mua bán điện trực tiếp giữa khách hàng sử dụng điện lớn và đơn vị phát điện để đảm bảo phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước (tại Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Bộ Chính trị

và Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) và quy định trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan liên quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Việc quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện và khách hàng sử dụng điện lớn, đặc biệt là từ đơn vị phát điện năng lượng tái tạo sẽ là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai mở rộng cơ chế này trong thời gian tới. Mục tiêu của cơ chế này nhằm: (i) Đáp ứng xu hướng sử dụng năng lượng sạch của khách hàng sử dụng điện, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu phù hợp với xu hướng chung của thế giới; (ii) Góp phần thu hút đầu tư vào việc phát triển bền vững nguồn điện, đặc biệt là nguồn điện sử dụng năng lượng tái tạo nhằm bảo vệ môi trường, khẳng định cam kết của Việt Nam trong việc ưu tiên sử dụng nguồn năng lượng sạch hơn, góp phần bảo vệ môi trường và giảm lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính; (iii) Triển khai thị trường bán lẻ điện cạnh tranh tại Việt Nam theo thiết kế; và (iv) Nâng cao tính hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện và khách hàng sử dụng điện lớn. Trên cơ sở đó, nội dung quy định tại Điều này đã xác định 02 hình thức mua bán điện trực tiếp (qua đường dây tư nhân kết nối riêng, và qua lưới điện quốc gia), cũng như quy định về nguyên tắc mua bán điện trực tiếp (phù hợp với cấp độ phát triển thị trường điện, phù hợp với quy hoạch), đồng thời giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết về cơ chế mua bán điện trực tiếp này.

+ Bổ sung quy định về Hợp đồng mua bán điện giữa đơn vị phát điện và bên mua điện, hợp đồng mua buôn điện và hợp đồng dịch vụ phụ trợ, trong đó, Bộ Công Thương có trách nhiệm kiểm tra giá hợp đồng theo đề nghị của bên bán điện và bên mua điện, phù hợp với phương pháp xác định giá bán buôn điện do Bộ Công Thương hướng dẫn; bổ sung trường hợp hợp đồng mua bán điện được các bên thỏa thuận ký kết thông qua đấu thầu; bổ sung quy định Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn các điều khoản chính của hợp đồng mua bán điện, hợp đồng bán buôn điện, hợp đồng dịch vụ phụ trợ áp dụng trên thị trường điện cạnh tranh.

+ Về các loại giá: (i) Sửa đổi thẩm quyền quy định cơ chế điều chỉnh giá (bán lẻ điện), theo đó Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh giá thay vì Thủ tướng Chính phủ như hiện hành; quy định Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ cấu biểu giá bán lẻ điện; sửa đổi làm rõ việc Bộ Công Thương hướng dẫn phương pháp lập khung giá phát điện và khung giá bán buôn điện (tính toán bình quân khung giá bán buôn điện theo thời gian sử dụng và tính toán bình quân trong chu kỳ tính khung giá). Các hướng dẫn của Bộ Công Thương về các loại giá điện/khung giá điện sẽ phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực; (ii) Bổ sung quy định về phạm vi xây dựng khung giá phát điện của đơn vị phát điện, giá hợp đồng mua bán điện theo đó sẽ không xây dựng khung giá phát điện, phương pháp xác định giá hợp đồng mua bán điện cho các nhà máy điện đầu tư theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà máy điện do nhà nước độc quyền xây dựng và vận hành và nhà máy điện phối hợp vận hành với nhà máy điện do nhà nước độc quyền đầu tư xây dựng và vận hành theo Điều 4 của Luật và nhà máy thủy điện nhỏ để đảm bảo tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách hiện hành cho các loại

hình nhà máy điện này. Trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án nhà máy điện có tiêu chuẩn về giá phát điện của các nhà máy điện được thực hiện theo kết quả đấu thầu; (iii) Bổ sung quy định về giá tạm thời giữa bên bán điện và bên mua điện theo hướng trường hợp chưa thỏa thuận được về giá phát điện, giá bán buôn điện, bên bán điện và bên mua điện có quyền thỏa thuận mức giá tạm thời để áp dụng cho đến khi thỏa thuận được mức giá chính thức (luật hóa quy định tại Nghị định số 137/2013/NĐ-CP).

- Chương này đã thể hiện rõ vấn đề phân cấp, phân quyền giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương về xây dựng và phát triển các cấp độ thị trường điện cạnh tranh, về điều hành giá điện và quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán điện, mua bán điện với nước ngoài, trong đó phân cấp mạnh mẽ, phân biệt rõ nhiệm vụ quản lý nhà nước và hoạt động kinh doanh của tổ chức, trên nguyên tắc không hành chính hóa các quan hệ có tính chất thương mại, dân sự, tôn trọng sự thỏa thuận của các bên khi thực hiện hợp đồng mua bán điện, nhưng vẫn đảm bảo sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước để kịp thời phát hiện các vi phạm và kiến nghị xử lý theo thẩm quyền và phù hợp với các hiệp ước, thỏa thuận giữa nhà nước Việt Nam với các nước láng giềng trong hoạt động mua bán điện giữa Việt Nam và các nước.

- Chương này kế thừa 01 thủ tục hành chính liên quan đến mua bán điện với nước ngoài, đảm bảo không tạo cơ chế “xin, cho”, đảm bảo ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

e) Vận hành, điều độ Hệ thống điện quốc gia (Chương VI)

- Chương này đã kế thừa và có hiệu chỉnh các quy định tại Luật Điện lực về tiết kiệm điện trong phát điện, truyền tải, phân phối điện; tiết kiệm điện trong sử dụng điện (chỉ quy định những nội dung đặc thù về lĩnh vực điện, tránh chồng chéo với Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả); đo đếm điện, bảo đảm chất lượng điện năng; Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia (chủ yếu sửa đổi quy định liên quan đến xây dựng và trình duyệt giá điều độ; đánh giá cân đối cung cầu hệ thống điện).

- Chương này bổ sung mới quy định về:

+ Nguyên tắc vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia: Bổ sung một số nguyên tắc trong công tác điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia (cụ thể như các ràng buộc kỹ thuật, ràng buộc tiêu thụ nhiên liệu ...) trên cơ sở luật hóa quy định tại văn bản dưới luật nhằm đảm bảo vận hành hệ thống điện an toàn, tin cậy và ổn định.

+ Hệ thống truyền tải điện và hệ thống phân phối điện: bổ sung quy định nguyên tắc chung về đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật vận hành của trang thiết bị điện, lưới điện đấu nối vào lưới điện làm cơ sở pháp lý để Bộ Công Thương đã ban hành, rà soát, sửa đổi, cập nhật các quy định về yêu cầu kỹ thuật về đấu nối, vận hành hệ thống điện truyền tải và hệ thống điện phân phối để đáp ứng sự phát triển nhanh chóng của hệ thống điện quốc gia.

+ Quản lý nhu cầu điện: là một trong các giải pháp đảm bảo cung ứng điện. Để tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai nhiệm vụ này, Dự thảo Luật bổ sung quy định khái niệm chung về chương trình quản lý nhu cầu và trách nhiệm của khách hàng sử dụng điện, các đơn vị điện lực trong việc tham gia và thực hiện các chương trình quản lý nhu cầu điện và Bộ Công Thương ban hành các quy định kỹ thuật cụ thể về các chương trình điều chỉnh phụ tải điện.

+ Liên kết lưới điện nước ngoài: Hiện nay, Việt Nam đang liên kết lưới điện với 3 nước láng giềng (Campuchia, Lào, Trung Quốc). Do đó, để bảo đảm vận hành của hệ thống điện quốc gia, dự thảo Luật đề xuất cần bổ sung quy định yêu cầu liên kết lưới điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia. Bên cạnh đó, thời gian vừa qua, Bộ Công Thương nhận được đề xuất của phía Singapore về việc đưa điện từ các dự án điện gió ngoài khơi tại Việt Nam (không liên kết với hệ thống điện quốc gia) xuất khẩu sang Singapore thông qua các tuyến cáp ngầm trên biển. Do vậy, Dự thảo Luật bổ sung quy định về trường hợp liên kết lưới điện với nước ngoài không thông qua hệ thống điện quốc gia.

+ Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực trong vận hành, khách hàng khi đấu nối vào lưới điện: được bổ sung trên cơ sở các quy định hiện hành về quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện liên quan đến vận hành khi đấu nối vào lưới điện.

- Chương này đã thể hiện rõ vấn đề phân cấp, phân quyền giữa Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về lĩnh vực hoạt động điện lực tại địa phương về điều độ, vận hành hệ thống truyền tải điện, hệ thống phân phối điện, tiết kiệm điện và quản lý nhu cầu điện đảm bảo quy định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan ở trung ương và địa phương. Tuy nhiên, do phần lớn quy định tại chương này mang tính nguyên tắc chung áp dụng cho hệ thống điện và đã giao Bộ Công Thương quy định chi tiết (do các quy định mang tính kỹ thuật, chuyên ngành), do đó, việc phân cấp cụ thể giữa Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về lĩnh vực hoạt động điện lực tại địa phương sẽ được thể hiện chi tiết tại văn bản dưới luật để đảm bảo sự linh hoạt, đáp ứng nhanh nhu cầu phát triển và hiện đại hóa hệ thống điện Việt Nam theo từng thời kỳ.

- Chương này không phát sinh quy định về thủ tục hành chính liên quan đến Vận hành, điều độ Hệ thống điện quốc gia, không tạo cơ chế “xin, cho”, đảm bảo ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

g) Bảo vệ công trình điện lực và an toàn điện trong lĩnh vực điện (Chương VII)

- Chương này kế thừa các quy định của Luật Điện lực hiện hành các nội dung liên quan đến quy định về: bảo vệ công trình điện; an toàn điện trong phát điện, truyền tải, phân phối điện; an toàn điện trong sản xuất.

- Chương này sửa đổi các quy định về: Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực (bổ sung thêm công trình nguồn điện là đối tượng có hành lang bảo vệ an toàn và làm rõ quy định về sử dụng đất, mặt nước trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện); An toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ (quy định rõ trách nhiệm của người sử dụng điện trong việc lắp đặt, thiết kế hệ thống điện và

sử dụng điện; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị cung cấp điện trong việc kiểm tra an toàn trong sử dụng điện); An toàn điện khu vực nông thôn, miền núi, biên giới hải đảo (bỏ TTHC về sát hạch, cấp thẻ an toàn điện).

- Chương này đã bổ sung 03 Điều và 01 mục mới:

+ Bảo vệ an toàn công trình nguồn điện: được bổ sung để làm rõ nội dung bảo vệ công trình nguồn đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo hành lang bảo vệ và trách nhiệm của tổ chức cá nhân có hoạt động trong hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện.

+ Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện: bổ sung các quy định trách nhiệm của tổ chức cá nhân trong hoạt động kiểm định; danh mục thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định, quy trình kiểm định, chu kỳ kiểm định... Đồng thời quy định rõ việc đăng ký hoạt động kiểm định được thực hiện theo quy định pháp luật về đánh giá sự phù hợp theo Luật Quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa (tránh phát sinh thủ tục hành chính mới và thống nhất đồng bộ với các Luật chuyên ngành).

+ Yêu cầu chung về an toàn điện: bổ sung các quy định chung mà các lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối, sử dụng điện đều phải áp dụng; quy định trách nhiệm của tổ chức cá nhân trong việc quản lý các hồ sơ tài liệu về an toàn điện, xử lý sự cố điện và biển báo an toàn điện; quy định về huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện (luật hóa quy định tại Nghị định 14/2014/NĐ-CP).

+ An toàn công trình thủy điện (Mục 3 Chương VII): bổ sung các quy định về an toàn theo đặc thù trong lĩnh vực thủy điện mà hiện nay Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước chưa quy định như: Nguyên tắc quản lý an toàn đối với công trình thủy điện; Phân loại và phân cấp công trình thủy điện; bổ sung quy định mới về tích nước hồ chứa lần đầu; bổ sung phân cấp rõ hơn về thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa, phương án bảo vệ đập, phương án ứng phó tình huống khẩn cấp đồng thời điều chỉnh thời hạn trình phê duyệt phương án ứng phó tình huống khẩn cấp từ định kỳ hàng năm (như hiện nay) thành định kỳ 5 năm nhằm giảm thủ tục hành chính; quy định về mốc giới hàng lang bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện và quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý khi thực hiện các hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện, cắt bỏ thủ tục hành chính về cấp giấy phép trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa (như Nghị định 114/2018/NĐ-CP đang quy định); quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc cập nhật thông tin, dữ liệu về vận hành hồ chứa thủy điện và trách nhiệm phối hợp của các Bộ, ngành trong việc chia sẻ dữ liệu về vận hành hồ chứa thủy điện.

- Chương này đã thể hiện rõ vấn đề phân cấp, phân quyền giữa Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan chuyên môn về lĩnh vực hoạt động điện lực tại địa phương về an toàn điện và an toàn công trình thủy điện đảm bảo quy định rõ trách nhiệm giữa các cơ quan ở trung ương và địa phương. Tuy nhiên, chương này quy định nhiều nguyên tắc, quy định kỹ thuật chuyên ngành cần thiết phân cấp cho Chính phủ, Bộ Công Thương quy định chi tiết tại văn bản dưới luật,

trong đó, dự kiến đối với nội dung về an toàn công trình thủy điện tăng cường phân cấp chủ sở hữu công trình công tác quản lý an toàn đập, hồ chứa qua hoạt động kiểm tra, đánh giá an toàn đập, hồ chứa thủy điện trước mùa mưa lũ hằng năm.

h) Trách nhiệm quản lý nhà nước về điện lực (Chương VIII)

Chương này quy định về trách nhiệm và nội dung quản lý nhà nước về điện lực được phân cấp rõ ràng, cụ thể hóa trách nhiệm cho Chính phủ, Bộ Công Thương, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã trên cơ sở kế thừa và có sửa đổi một số quy định tại Điều 66 Luật Điện lực hiện hành về điều tiết điện lực, bổ sung nội dung quản lý nhà nước về quy hoạch phát triển điện lực, đầu tư phát triển điện lực, an toàn điện, an toàn đập, hồ chứa thủy điện để bao quát toàn bộ quản lý nhà nước trong lĩnh vực điện lực.

i) Điều khoản thi hành (Chương IX)

Điều khoản thi hành bao gồm: Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, điều, phụ lục của các luật liên quan (Điều 119); Hiệu lực thi hành (Điều 120); Quy định chuyển tiếp (Điều 121), cụ thể:

- Điều 119 về sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư và Luật Xây dựng, cụ thể:

+ Bổ sung thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các dự án điện gió ngoài khơi trên biển, dự án cáp điện ngầm dưới biển xuyên biên giới làm cơ sở thực hiện thủ tục trình phê duyệt chủ trương các dự án này theo quy định tại Luật Đầu tư.

+ Bổ sung khoản 1 vào trước khoản 2 Điều 103 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14 như sau: “1. Bộ Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng, ngoài các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và đối tượng thực hiện theo Luật Dầu khí” nhằm bổ sung quy định còn thiếu trong thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng đối với trường hợp này.

- Điều 120: Quy định về hiệu lực thi hành.

- Điều 121: Quy định chuyển tiếp: Đối với các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện. Trường hợp có quy định khác về cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh theo quy định của Luật này thì các bên phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với cấp độ đó; Đơn vị điện lực đã được cấp giấy phép hoạt động điện lực trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn ghi trong giấy phép hoạt động điện lực đó; Trường hợp tổ chức đã nộp hồ sơ đề nghị cấp, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực đầy đủ và hợp lệ đến cơ quan cấp giấy phép trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp giấy phép hoạt động điện lực thì áp dụng Luật số 28/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 24/2012/QH13, Luật số 28/2018/QH14, Luật số 03/2022/QH15 và Luật Giá số 16/2023/QH15 để cấp phép. Trường hợp

tổ chức đề nghị thực hiện cấp mới, sửa đổi, bổ sung, cấp lại và gia hạn giấy phép theo quy định của Luật này thì áp dụng Luật này để cấp giấy phép hoạt động điện lực.

3. Về đánh giá sự tương thích với các điều ước/cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên

Qua rà soát các điều ước/cam kết quốc tế về điện/năng lượng trong khuôn khổ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên hoặc đã tham gia ký kết, Dự thảo Luật Điện lực (sửa đổi) không có quy định trái với các cam kết hay điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Về đánh giá tác động về giới trong dự án Luật

Việc xây dựng dự án Luật Điện lực (sửa đổi) được thực hiện dựa trên nguyên tắc bảo đảm bình đẳng nam, nữ và không phân biệt đối xử về giới, cụ thể hóa và đảm bảo quyền con người theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013 “nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới là một căn cứ quan trọng của việc rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật” (khoản 2 Điều 20 Luật Bình đẳng giới). Luật này không có nội dung quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới như ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới trong thực hiện quy định. Các quy định của Luật được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

5. Về đánh giá ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ

Việc xây dựng dự án Luật Điện lực (sửa đổi) được thực hiện dựa trên nguyên tắc tuân thủ đúng và đầy đủ:

- Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm (trong đó có yêu cầu không được: “chỉ đạo, ban hành thể chế, cơ chế, chính sách có nội dung trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cài cắm lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ” - điểm d khoản 2 Điều 9);

- Thông báo Kết luận số 30-TB/BCĐTW ngày 15 tháng 01 năm 2023 của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTNTC tại Phiên họp thứ 23, ngày 12/01/2023 của Ban Chỉ đạo: “... Khẩn trương rà soát, khắc phục những sơ hở, bất cập trong chính sách, pháp luật liên quan... và các vấn đề cụ thể mà các đoàn kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đã kiến nghị, đề xuất”;

- Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật” - Mục 3);

- Nghị quyết số 853/NQ-UBTVQH15 ngày 30 tháng 8 năm 2023 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 25 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (yêu cầu: “Tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng,

tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật” - Mục 2.1);

- Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật nhằm ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ...

Theo đó, Dự thảo Luật không có nội dung trái Hiến pháp, các nội dung đề xuất công khai, minh bạch, không có chính sách trái chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

6. Thủ tục hành chính quy định tại dự thảo Luật

a) 19 TTHC được bãi bỏ, cụ thể:

- 04 TTHC liên quan đến lĩnh vực hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực: Cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương; Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương; Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương.

Các TTHC liên quan đến lĩnh vực hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực được bãi bỏ để thực hiện theo quy định về hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng nói chung theo quy định tại Luật Xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan (Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; Thông tư số 06/2021/TT-BXD). Theo đó, pháp luật về xây dựng đã đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (trong đó đã bao gồm các công trình điện lực). Do đó, để đơn giản hóa, cắt giảm TTHC, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng công trình điện lực, cần loại bỏ lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện lực ra khỏi các lĩnh vực cần phải được cấp giấy phép hoạt động điện lực (đồng thời, loại khỏi danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực điện).

- 11 TTHC thuộc các lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện và bán lẻ điện bao gồm: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện; Cấp Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương; Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương; Cấp Giấy phép hoạt động truyền tải, phân phối điện; Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động truyền tải, phân phối điện; Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn, bán lẻ điện; Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán buôn, bán lẻ điện; Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương; Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép

hoạt động phát điện đối với nhà máy điện có quy mô công suất dưới 03MW đặt tại địa phương; Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương; Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động bán lẻ điện đến cấp điện áp 0,4 kV tại địa phương. 11 TTHC này bãi bỏ khi được phân tách thành các lĩnh vực riêng rẽ và gộp chung các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực, điều này làm thay đổi tên gọi, mã TTHC theo danh mục đã được Bộ Công Thương công bố trước đây. Các nội dung quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện ... của các thủ tục này tiếp tục được kế thừa từ các quy định hiện hành.

- 01 TTHC cấp tỉnh liên quan đến việc cấp thẻ an toàn điện của cơ quan quản lý nhà nước về điện lực cấp tỉnh (hiện đang áp dụng theo Điều 64 Luật Điện lực hiện hành).

- 03 TTHC về cấp, cấp điều chỉnh bổ sung, cấp lại giấy phép trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện (hiện đang thực hiện theo Điều 22 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP dựa theo quy định của Luật Thủy lợi).

b) 01 TTHC sửa đổi, bổ sung là cấp Giấy phép hoạt động phát điện. Thủ tục này đã được quy định cụ thể rõ ràng về trình tự, thủ tục thực hiện, đã được công bố, quá trình triển khai phù hợp với thực tế, theo dự kiến sẽ thay đổi về phân cấp và được Chính phủ quy định chi tiết tại Dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành.

c) 29 TTHC mới bao gồm: Cấp lại Giấy phép hoạt động phát điện khi hết hạn; Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động phát điện; Cấp Giấy phép hoạt động hoạt động truyền tải điện; Cấp lại Giấy phép hoạt động truyền tải điện khi hết hạn; Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động truyền tải điện; Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện; Cấp lại Giấy phép hoạt động phân phối điện khi hết hạn; Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động phân phối điện; Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện; Cấp lại Giấy phép hoạt động bán buôn điện khi hết hạn; Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động bán buôn điện; Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện; Cấp lại Giấy phép hoạt động bán lẻ điện khi hết hạn; Cấp gia hạn Giấy phép hoạt động bán lẻ điện; Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương; Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương; Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Công Thương trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng; Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện đặt tại địa phương có quy mô công suất theo quy định của Chính phủ; Cấp lại giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện đặt tại địa phương có quy mô công suất theo quy định của Chính phủ; Cấp gia hạn giấy phép hoạt động phát điện đối với nhà máy điện đặt tại địa phương có quy mô công suất theo quy định của Chính phủ; Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện tại địa phương; Cấp lại giấy phép hoạt động bán lẻ điện tại địa phương khi hết hạn; Cấp gia hạn giấy phép hoạt động bán lẻ điện tại địa phương; Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện tại địa phương; Cấp lại giấy phép hoạt động phân phối điện tại địa phương khi hết hạn; Cấp gia hạn giấy phép hoạt động phân phối

điện tại địa phương; Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của địa phương; Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của địa phương; Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của địa phương trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng.

Nhìn chung 29 TTHC phát sinh khi thực hiện cấp mới, cấp lại, gia hạn và thu hồi giấy phép hoạt động điện lực đối với các lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện theo phân cấp tại trung ương và địa phương. Việc phát sinh TTHC này là cần thiết, do hiện nay, giấy phép hoạt động điện lực được cấp không có sự phân biệt giữa cấp mới, cấp lại và gia hạn giấy phép, chưa được phân tách thành các lĩnh vực cụ thể (truyền tải điện và phân phối điện, bán buôn điện và bán lẻ điện). Trong khi đó, hồ sơ, thủ tục cấp mới giấy phép đòi hỏi nhiều giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện hoạt động điện lực của tổ chức.

Theo đó, đối với các trường hợp tổ chức đã được cấp mới giấy phép, khi có nhu cầu cấp lại hay gia hạn giấy phép (mà không có sự phát sinh, thay đổi so với thời điểm đề nghị cấp mới) thì cần thiết quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục cấp giấy phép đơn giản hơn. Tuy nhiên, để thực hiện được việc này dẫn đến “số lượng” TTHC liên quan phải tăng lên, do “tên gọi” khác nhau, “hồ sơ” khác nhau dẫn đến việc phải xác định là các “thủ tục hành chính” khác nhau. Do đó, để đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng hơn trong việc cấp mới, gia hạn và cấp lại giấy phép, đảm bảo linh hoạt, thuận lợi hơn cho tổ chức trong việc duy trì hoạt động điện lực, việc “phát sinh” các TTHC nêu trên là thật sự cần thiết. Điều này là tương tự đối với thủ tục “thu hồi”.

Như vậy, một số TTHC phát sinh là để thực hiện chủ trương đơn giản hóa TTHC, tách các TTHC phức tạp hiện nay thành các TTHC riêng biệt, phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, qua đó đạt mục tiêu đơn giản hóa thủ tục, công khai, minh bạch và cắt giảm chi phí tuân thủ cho tổ chức tham gia hoạt động điện lực. Các TTHC được nghiên cứu, xây dựng theo hướng tăng cường phân cấp, đơn giản hóa quy trình, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin. Các TTHC về cấp phép và thu hồi giấy phép hoạt động điện lực đảm bảo công khai, minh bạch, đảm bảo ngăn ngừa tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

- Tất cả các TTHC phát sinh đã được đánh giá tác động, đánh giá chi phí tuân thủ (theo đó, thể hiện rõ nội dung giảm chi phí cho tổ chức đề nghị cấp phép) tại Bản đánh giá TTHC kèm theo trong hồ sơ dự án Luật.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Luật

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện lực trong phạm vi cả nước.
- Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện lực.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong việc thực hiện quản lý nhà nước về điện lực theo quy định tại Luật này và phân công của Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về điện lực tại địa phương.

2. Các điều kiện đảm bảo thi hành Luật

a) Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành: Sau khi Luật Điện lực (sửa đổi) được ban hành, Chính phủ, các Bộ, ngành ban hành các VBQPPL quy định chi tiết, hướng dẫn và triển khai Luật đầy đủ, đúng tiến độ.

b) Tổ chức thực thi luật sau khi ban hành: Sau khi Luật Điện lực (sửa đổi) được ban hành, Chính phủ sẽ thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực thi Luật phù hợp với từng đối tượng: cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện lực.

- Phân công, phối hợp liên ngành để triển khai thực hiện Luật thông qua các hình thức: tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thi hành pháp luật; phối hợp quản lý, tiền kiểm; kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật.

- Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thông tin dữ liệu về điện lực, năng lượng mới và năng lượng tái tạo nhằm hỗ trợ thực hiện công tác quản lý lĩnh vực điện lực.

c) Nguồn kinh phí để triển khai Luật: Sau khi Luật Điện lực (sửa đổi) được ban hành, dự kiến kinh phí thực thi gồm:

- Kinh phí để xây dựng các VBQPPL quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Điện lực (sửa đổi).

- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Luật Hóa chất (sửa đổi) và các văn bản dưới Luật.

- Kinh phí thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất được thực hiện lồng ghép trong ngân sách chi thường xuyên của các cơ quan trung ương, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân.

- Kinh phí tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thông tin dữ liệu về điện lực, năng lượng mới và năng lượng tái tạo.

d) Dự kiến nguồn nhân lực

Các bộ, ngành hiện nay đã xây dựng bộ máy, nhân lực quản lý lĩnh vực điện lực theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Luật Điện lực năm 2004, do đó cơ bản đảm bảo điều kiện để thực thi Luật Điện lực (sửa đổi) khi được Quốc hội thông qua.

So với quy định hiện hành, các chính sách nêu trên về cơ bản không yêu cầu tăng thêm đầu mối và nhân lực để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, hiện nay, tại các địa phương, số lượng công chức được phân công chuyên trách về quản lý lĩnh vực điện lực còn thiếu so với khối lượng công việc, trong

khi điện lực là ngành đặc thù, cần có kiến thức chuyên môn sâu, do vậy, để đảm bảo hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về điện lực, cần thiết phải tăng cường nhân lực chuyên ngành điện lực tại các cơ quan quản lý tùy theo hoàn cảnh thực tế của từng địa phương (nhất là cấp huyện).

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Điện lực (sửa đổi), Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Tài liệu gửi kèm: (1) Dự thảo Luật Điện lực (sửa đổi); (2) Báo cáo thẩm định dự án Luật Điện lực (sửa đổi); (3) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Điện lực năm 2004; (5) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; (6) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Điện lực (sửa đổi); (7) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan; (8) Dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật; (9) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật Điện lực (sửa đổi); (10) Báo cáo kinh nghiệm quốc tế).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội;
- Bộ Công Thương;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, các Vụ, Cục: CN, QHDP, TH, KSTT;
- Lưu: VT, PL (03) **115**

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**



Nguyễn Hồng Diên